

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

Số: 91/VTDKĐD-TCHC
V/v: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
năm 2019 của PTT.

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
2. Mã Chứng khoán: PTT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
4. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quang Huy – Giám đốc Công ty – Người đại diện theo pháp luật.
5. Nội dung của thông tin công bố:

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

6. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty đăng tải: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương: <http://pvtrans-ptt.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

Số: 01/NQ-VTDKDD-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/BBH-VTDKDD-ĐHĐCĐ, ngày 11/4/2019 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương,

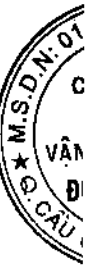
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng Quản trị (*Phụ lục 01*).
2. Báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019 của Giám đốc Công ty (*Phụ lục 02*).
3. Báo cáo hoạt động năm 2018 và Kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát (*Phụ lục 03*).
4. Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (*Phụ lục 04*).
5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	400,000	462,490	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	10,000	6,550	65%
3	Lợi nhuận sau thuế	8,000	4,890	61%
4	Nộp ngân sách nhà nước	10,700	9,330	87%
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	57,845	54,734	95%



6. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018, giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để thực hiện phương án phân phối lợi nhuận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (Phụ lục 05):

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	380,000
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	368,500
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,500
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,200
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	9,600
6	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	11,500

Ghi chú: Phụ lục Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị đính kèm.

Và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty.

8. Báo cáo thực hiện thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 (Phụ lục 06).

9. Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

10. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh; Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty: cụ thể bổ sung ngành, nghề kinh doanh tại Khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải và Giao cho Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty (Phụ lục 07).

11. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với ông Đỗ Trung Thành.

12. Miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với ông Nguyễn Thế Dân.

13. Kết quả bầu bổ sung một (01) thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2019-2024: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

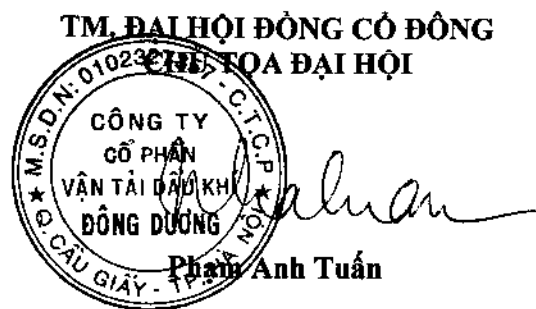
14. Kết quả bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2019-2024: Bà Phan Thị Thu Hà.

Điều 2. Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 11/4/2019.

Nơi nhận:

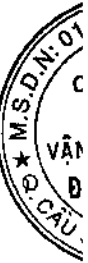
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban GP;
- Lưu: VT, HĐQT.





PHỤ LỤC 01:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 11/4/2019)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị hiện có 05 thành viên gồm:

- Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch.
- Ông Bùi Hữu Cơ – Ủy viên chuyên trách.
- Ông Đỗ Trung Thành – Ủy viên.
- Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên.
- Ông Hoàng Trung Hưng – Ủy viên.

2. Hoạt động của HĐQT và của các thành viên HĐQT Công ty:

2.1. Hoạt động của HĐQT:

a. Chỉ đạo hoạt động SXKD:

Năm 2018 tiếp tục là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp ngành dầu khí nói riêng. Ngay từ đầu năm 2018, nhận thức sâu sắc những thuận lợi, khó khăn mà Công ty sẽ gặp phải, Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương phù hợp. Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp định kỳ và đột xuất; Đã tổ chức 11 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản về các nội dung thuộc thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vấn đề bất cập phát sinh, ban hành 27 nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai các hoạt động SXKD.

Các Nghị quyết/quyết định trong năm 2018 của HĐQT:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/NQ-VTDKĐD-HĐQT	14/3/2018	Họp thường kỳ Quý 1/2018
2	02/NQ-VTDKĐD-HĐQT	14/3/2018	Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022.
3	03/NQ-VTDKĐD-HĐQT	14/3/2018	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
4	04/NQ-VTDKĐD-HĐQT	17/4/2018	Các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
5	05/NQ-VTDKĐD-HĐQT	09/5/2018	Công tác nhân sự tại PTT
6	01/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	09/5/2018	Bổ nhiệm lại có thời KTT đối với ông Doãn Văn Chiến

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
7	06/NQ-VTDKĐD-HĐQT	15/5/2018	Phê duyệt Kế hoạch định biên lao động năm 2018 của Công ty.
8	07/NQ-VTDKĐD-HĐQT	16/5/2018	Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT Công ty.
9	08/NQ-VTDKĐD-HĐQT	08/6/2018	Phê duyệt chủ trương thanh lý đối với 07 xe ô tô thuộc đội xe VPCT tại Hà Nội
10	09/NQ-VTDKĐD-HĐQT	09/7/2018	Họp HĐQT thường kỳ Quý II/2019
11	02/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	09/7/2018	Kiện toàn cơ cấu tổ chức nhân sự Tiểu ban Nhân sự Tiềm lương của HĐQT Công ty.
12	03/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	09/7/2018	Kiện toàn cơ cấu tổ chức nhân sự Tiểu ban Kinh tế - Kỹ thuật - Đầu tư của HĐQT Công ty.
13	10/NQ-VTDKĐD-HĐQT	09/7/2018	Công tác cán bộ
14	11/NQ-VTDKĐD-HĐQT	26/9/2018	Họp HĐQT Họp ngày 26/9/2019.
15	12/NQ-VTDKĐD-HĐQT	26/9/2018	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
16	13/NQ-VTDKĐD-HĐQT	26/9/2018	Thông qua bổ sung kế hoạch đầu tư XDCB và MSTTB năm 2018
17	14/NQ-VTDKĐD-HĐQT	26/9/2018	Thành lập “ Tổ thẩm định dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam”
18	15/NQ-VTDKĐD-HĐQT	25/10/2018	Thông qua bổ sung kế hoạch đầu tư XDCB và mua sắm TTB năm 2018
19	16/NQ-VTDKĐD-HĐQT	29/10/2018	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2018.
20	17/NQ-VTDKĐD-HĐQT	31/10/2018	Phê duyệt “Dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam”.
21	18/NQ-VTDKĐD-HĐQT	07/11/2018	Phê duyệt ký hợp đồng mua bán, việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hà Nội và việc thế chấp tài sản để thực hiện “Dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam”.
22	19/NQ-VTDKĐD-HĐQT	21/11/2018	Công tác cán bộ

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
23	20/NQ-VTDKĐD-HĐQT	30/11/2018	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch định biên lao động năm 2018 của Công ty.
24	21/NQ-VTDKĐD-HĐQT	30/11/2018	Chấp thuận sử dụng 02 xe ô tô văn phòng 16 chỗ hình thành từ dự án “Đầu tư 02 xe ô tô văn phòng 16 chỗ để thực hiện dự án “Đầu tư 02 xe ô tô văn phòng 16 chỗ” tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Tây Hà Nội.
25	22/NQ-VTDKĐD-HĐQT	30/11/2018	Chấp thuận sử dụng 01 xe tải cầu 10 tấn hình thành từ dự án “Đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn để thực hiện dự án “Đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn” tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Tây Hà Nội.
26	23/NQ-VTDKĐD-HĐQT	10/12/2018	Phê duyệt bán thanh lý 04 xe ô tô trong danh mục 07 xe ô tô thuộc Đội xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội trong diện chờ thanh lý
27	24/NQ-VTDKĐD-HĐQT	18/12/2018	Họp HĐQT thường kỳ Quý IV/2018

b. Kết quả đạt được:

• **Kết quả hoạt động SXKD:**

Năm 2018, các thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý điều hành. Thống nhất nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định các công việc một cách công khai, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Với sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty, năm 2018, Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	400,000	462,487	116
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	390,000	455,938	117
3	Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	10,000	6,550	65
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,000	4,886	61
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	10,700	9,329	87
6	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	57,845	54,734	95

Ghi chú (*): Nguyên nhân chỉ tiêu lợi nhuận không đạt kế hoạch: Trong Quý 4/2018 PVTrans PTT đã đầu tư mua 64 xe ô tô đã qua sử dụng và nhận chuyển nhượng quyền khai thác kinh

doanh hiện hữu 105 xe văn phòng đang cho thuê (gồm 64 xe mua theo dự án và 41 xe vệ tinh) của Công ty CP Dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long để mở rộng thị trường xe văn phòng cho thuê tại khu vực phía Nam. Để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững cho những năm tiếp theo Công ty đã thực hiện hạch toán toàn bộ giá trị hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác kinh doanh 3,6 tỷ đồng vào chi phí năm 2018 dẫn đến lợi nhuận không đạt kế hoạch.

• Công tác đầu tư:

- Kế hoạch đầu tư năm 2018 được ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua, có một (01) dự án chuyển tiếp từ năm 2017: “Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý” với tổng mức đầu tư 2,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, do Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ xây dựng nên dự án này chưa hoàn thành trong năm 2018.

- Trong năm 2018, thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, HĐQT đã phê duyệt bổ sung Kế hoạch đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị 02 lần với tổng mức đầu tư 02 dự án là 5,63 tỷ đồng, dự án đã được đưa vào khai thác tháng 01 và tháng 3/2019.

- ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 thông qua bổ sung Kế hoạch đầu tư năm 2018: “Dự án Đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam, có tổng mức đầu tư 49,915 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác từ tháng 11/2018.

Chi tiết Kế hoạch-Thực hiện Đầu tư XDCB và Mua sắm trang thiết bị năm 2018 như sau:

TT	Dự án	Tổng mức đầu tư đã duyệt	Tổng mức đầu tư thực hiện	Thời gian đưa vào khai thác
1	Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý	2,300		
2	Dự án đầu tư 02 xe ô tô văn phòng 16 chỗ	2,030	1,724	Tháng 01/2019
3	Dự án đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn	3,600	3,500	Tháng 3/2019
4	Dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam	49,915	49,510	Tháng 11/2018
	Tổng cộng	57,845	54,734	

c. Công tác giám sát đối với Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý:

Trong năm 2018, HĐQT đã chỉ đạo các bộ phận tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD theo quy định gồm: báo cáo tình hình SXKD hàng tháng, hàng quý; Báo cáo tài chính quý, năm 2018, các báo cáo khác và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

HĐQT cũng tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành và các cuộc họp khác. Các ý kiến khuyến nghị của Ban Kiểm soát cũng được HĐQT xem xét cẩn trọng phát huy mặt tích cực và tìm giải pháp khắc phục tồn tại.

Năm 2018, HĐQT đánh giá Giám đốc Công ty đã nỗ lực và quyết liệt điều hành, tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT. Tuy nhiên, kết quả SXKD năm 2018 có chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt được theo kế hoạch ĐHCĐ giao.

2.2. Hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị:

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

1) Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Lãnh đạo chung, giám sát tất cả các hoạt động trong hệ thống của Công ty, triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
- Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để thực hiện, đề trình, đề báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Triệu tập, chủ trì và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.
- Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định và các nhiệm vụ khác của Hội đồng Quản trị.
- Thay mặt Hội đồng Quản trị tổ chức, chỉ đạo thực hiện quản lý nguồn vốn, thu xếp tài chính cho các dự án đầu tư.
- Chiến lược, định hướng phát triển công ty.
- Công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.
- Công tác tổ chức nhân sự.
- Thực hiện các công việc khác không phân công cho các thành viên Hội đồng Quản trị.

2) Ông Bùi Hữu Cơ – Ủy viên Hội đồng Quản trị chuyên trách.

- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Thường trực Hội đồng Quản trị, ký thay Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Theo dõi, chỉ đạo hoạt động Sản xuất kinh doanh của công ty.
- Phụ trách công tác kế hoạch
- Phụ trách công tác tài chính
- Phụ trách công tác đầu tư, thanh lý tài sản.
- Phụ trách công tác quản trị nội bộ Công ty, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Giám đốc và Ban Kiểm soát công ty.
- Phụ trách công tác định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong công ty.

- Theo dõi việc thực hiện các chỉ đạo của cổ đông PVTrans, nghị quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
 - Phụ trách công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.
 - Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 3) Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Công tác xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch Sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Chế độ tiền lương.
 - Công tác xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ.
 - Phát triển các dịch vụ, công việc của PVTrans tại Công ty.
 - Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 4) Ông Đỗ Trung Thành – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Kiểm soát dòng tiền, tính thanh khoản.
 - Các công việc liên quan đến thu xếp vốn đầu tư.
 - Kiểm soát công nợ.
 - Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
- 5) Ông Hoàng Trung Hưng – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Phụ trách công tác đào tạo.
 - Phát triển các dịch vụ, công việc của PVOil tại Công ty.
 - Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.

2.3. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị:

Năm 2018, Thù lao của HĐQT được trả theo mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua, cụ thể như sau:

- Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm được trả theo mức: Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng; Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Đối với thành viên HĐQT chuyên trách do Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương trả lương theo quy định của Công ty/Tổng Công ty/Nhà nước.

2.4. Quan hệ cổ đông:

Năm 2018, Công ty duy trì tốt công tác quan hệ với các cổ đông, tiếp xúc và cung cấp các thông tin cho cổ đông theo yêu cầu, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019:

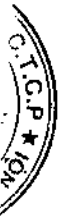
1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	380,000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,500
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,200
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,600
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	11,500

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2019:

- Hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2019 đã được ĐHĐCB thường niên 2019 thông qua.
- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Duy trì ổn định, phát triển mở rộng hoạt động cho thuê xe văn phòng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành.
- Duy trì ổn định hoạt động vận chuyển CNG đảm bảo là lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả tốt của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác khai thác kinh doanh với các khách hàng để tối đa hóa khả năng sử dụng đội xe đầu kéo.
- nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, chủ động nguồn hàng, triển khai hiệu quả công tác vận chuyển hàng hóa nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Tìm kiếm và phát triển mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh mới.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí marketing, chi phí quản lý kỹ thuật trong các hoạt động SXKD.
- Chú trọng đến công tác nhân sự, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

- Tăng cường công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chi phí đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Thực hiện và tuân thủ các quy định trong công tác SXKD và quản lý điều hành. Liên tục hoàn thiện các quy trình, quy chế, hệ thống định mức phù hợp với yêu cầu SXKD của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.
- Luôn quan tâm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông. Duy trì chế độ họp theo quy định của Điều lệ Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 02:
(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 11/4/2019)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH.

1. Khó khăn:

Năm 2018 tiếp tục là giai đoạn đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp ngành dầu khí nói riêng. Trong tình hình chung đó, Công ty Đông Dương không tránh khỏi những vấn đề phát sinh ảnh hưởng, tác động lớn đến hoạt động SXKD của mình.

- Ngay từ đầu năm 2018 hợp đồng vận chuyển CNG với PVGas North bị chấm dứt trước thời hạn do Công ty không thu xếp được thiết bị chuyên dụng. Trong 4 tháng cuối năm, các khách hàng lớn của CNG Việt Nam như các nhà máy SX thép, gốm sứ, thiết bị điện tử... đều cắt giảm công suất sản xuất, là nguyên nhân chính dẫn tới việc sản lượng CNG tiêu thụ giảm tương ứng từ 50% đến 52% so với các tháng cùng kỳ năm trước, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động vận chuyển CNG của Công ty.

- Giá bán lẻ xăng dầu trong năm tăng mạnh từ 10% đến 15% so với đầu năm đã tác động lớn đến hoạt động SXKD của Công ty, làm tăng giá thành vận tải từ 3% đến 5% so với cùng kỳ năm 2017, trong khi giá cung cấp dịch vụ không những không tăng được mà còn phải giảm để có thể cạnh tranh được với thị trường.

- Với thị phần chính là khách hàng trong ngành dầu khí, tần suất khai thác cả xe định hạn và xe chuyên đều bị sụt giảm do các đơn vị đều phải cắt giảm chi phí đi lại, hội nghị..., các khoản phụ thu phát sinh vượt km, thêm giờ, ngoài giờ ... đều giảm mạnh so với cùng kỳ các năm trước.

- Kế hoạch cung cấp đá vôi, đầu tư khu vực neo đậu tàu thuyền vào cảng nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý không thực hiện được do công tác xây dựng Nhà máy bị kéo dài, chậm tiến độ.

2. Thuận lợi:

- Mặc dù trong bối cảnh khó khăn chung nhưng trong năm 2018 Công ty đã và đang tiếp tục nhận được quan tâm, chia sẻ, hỗ trợ của Tập đoàn và các đơn vị trong ngành, đặc biệt phải nói đến sự quan tâm, giúp đỡ của Tổng Công ty PVTrans và các đơn vị thành viên của PVTrans. Đây là một trong những nguyên nhân chính giúp Công ty hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch năm 2018.

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD và các Ban chức năng của PVTrans đã trực tiếp chỉ đạo, hỗ trợ Công ty Đông Dương về mọi mặt từ công tác tái cấu trúc, tổ chức kinh doanh đến quản trị doanh nghiệp.

- HĐQT Công ty luôn sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành, hỗ trợ Ban lãnh đạo giải quyết những vướng mắc trong hoạt động SXKD.

- Trong quý IV, được sự quan tâm hỗ trợ của TCT PVTrans, Công ty đã hoàn thành dự án đầu tư thêm 64 xe vận phòng, tiếp nhận chuyển giao toàn bộ các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe vận phòng từ Công ty Cửu Long với số lượng xe cung cấp đi kèm là 105 xe, mở rộng được thị trường phía Nam với số lượng phương tiện và khách hàng sử dụng dịch vụ tăng gấp hai lần so với cùng kỳ năm 2017.

- Đội ngũ, cán bộ nhân viên Công ty đoàn kết, có trách nhiệm cao, tâm huyết với công việc, nỗ lực vì mục tiêu phát triển Công ty.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018.

1. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu	400,000	462,487	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	10,000	6,550	65%
3	Nộp ngân sách	10,700	9,329	87%

(Bảng số liệu chi tiết từng lĩnh vực kèm theo)

Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu về lợi nhuận:

Trong Quý 4/2018 PVTrans PTT đã đầu tư mua 64 xe ô tô đã qua sử dụng và nhận chuyển nhượng quyền khai thác kinh doanh hiện hữu 105 xe văn phòng đang cho thuê (gồm 64 xe mua theo dự án và 41 xe vệ tinh) của Công ty CP Dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long để mở rộng thị trường xe văn phòng cho thuê tại khu vực phía Nam. Để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững cho những năm tiếp theo Công ty đã thực hiện hạch toán toàn bộ giá trị hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác kinh doanh 3,6 tỷ đồng vào chi phí năm 2018 dẫn đến lợi nhuận không đạt kế hoạch.

2. Đánh giá kết quả các lĩnh vực kinh doanh chính:

a) Vận tải CNG

Trong năm 2018, hoạt động vận tải CNG tiếp tục khai thác các hợp đồng vận chuyển CNG bằng đầu kéo ở phía Bắc cho các khách hàng của CNG Việt Nam - Chi nhánh miền Bắc và bằng bồn ở phía Nam cho Công ty CNG Việt Nam thuê.

- ❖ Doanh thu đạt 45,493 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch năm.
- ❖ Lợi nhuận gộp đạt 12,663 tỷ đồng, bằng 83% kế hoạch năm.
- ❖ Nguyên nhân không đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận:

- Do từ tháng 9/2018, CNG Việt Nam giảm sản lượng cung cấp cho các khách hàng khoảng 50% - 52% sản lượng so với kế hoạch.

- Từ ngày 04/10/2018 khối lượng vận chuyển năm đạt 20 triệu Sm³. Do đó đơn giá vận chuyển bằng đầu kéo giảm 1.000 đ/km theo phụ lục 09 của hợp đồng vận chuyển số 15/2018/HĐKT/CNGNORTH-DD.

- Trong kế hoạch xây dựng có vận tải CNG cho PVGas North bằng vệ tinh tuy nhiên thực tế hợp đồng đã chấm dứt trước thời hạn từ 01/02/2018.

b) Vận tải xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội:

- Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe định hạn và xe chuyển với các đơn vị khác trong Tập đoàn. Tổng số xe khai thác đến 31/12/2018 là 33 xe gồm 18 xe định hạn (14 xe Công ty và 04 xe vệ tinh) và 15 xe chuyển (xe công ty). Doanh thu năm 2018 đạt 15,202 tỷ đồng (tương đương 88% KH năm).

- Lợi nhuận gộp 1,460 triệu, bằng 66% kế hoạch năm.

- Nguyên nhân không đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận: do tần suất khai thác xe chuyển bị sụt giảm so với cùng kỳ năm trước, chi phí nhiên liệu tăng trong khi Công ty phải điều chỉnh giảm đơn giá vận chuyển để cạnh tranh được với thị trường.

c) Vận tải xe văn phòng cho thuê tại Hồ Chí Minh:

- Năm 2018 Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp xe văn phòng cho thuê với các đơn vị trong Tổng Công ty PVGas, PVTrans, PVGas D đã ký. Vào quý 4/2018 Công ty đã đầu

tư thêm 64 xe, thuê bổ sung 41 xe vệ tinh để cung cấp cho thị trường phía Nam từ 01/11/2018, nâng tổng số xe khai thác đến 31/12/2018 là 236 xe, trong đó 113 xe Công ty đầu tư và 123 xe thuê vệ tinh.

- Doanh thu năm 2018 đạt 100,677 tỷ đồng đạt 139% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận gộp đạt 4,633 tỷ đồng đạt 92% kế hoạch năm.
- Nguyên nhân không đạt kế hoạch về lợi nhuận: Do Công ty đã phân bổ toàn bộ chi phí chuyển nhượng quyền khai thác kinh doanh 105 xe văn phòng với giá trị 3,6 tỷ đồng vào năm 2018.

d) Kinh doanh vận tải đá vôi:

Trong Quý I/2018 Công ty tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng vận tải đá vôi cho Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 với sản lượng 3.800 tấn, doanh thu thực hiện là 432 triệu tương đương 3% kế hoạch năm. Kế hoạch cung cấp đá vôi cho các nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 và Thái Bình 2 không thực hiện được do cạnh tranh về giá thầu và tiến độ xây dựng nhà máy bị chậm tiến độ. Từ Quý 2/2018 đến hết năm 2018 không phát sinh doanh thu từ hoạt động này.

e) Lĩnh vực kinh doanh thương mại (mua bán LPG và các sản phẩm dầu mỏ):

Doanh thu đạt 297,695 tỷ đồng, bằng 180% kế hoạch năm. Trong đó doanh thu từ kinh doanh mua bán LPG là 20,866 tỷ đồng và từ kinh doanh mua bán ethanol là 276,829 tỷ đồng.

3. Công tác tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

Trong năm 2018, Công ty vẫn đang tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh hiện nay (xe văn phòng cho thuê, vận tải CNG, ...) và duy trì mô hình hoạt động gồm: 04 phòng chức năng và 02 Chi nhánh (tại Thái Bình và thành phố Hồ Chí Minh). Đồng thời, Công ty tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc bộ máy văn phòng của Công ty cắt giảm lao động gián tiếp bằng nhân sự trực tiếp, thúc đẩy nâng cao hiệu quả, tăng năng suất lao động.

4. Công tác đầu tư.

Trong năm 2018, Công ty đã triển khai thực hiện 04 dự án gồm 01 dự án chuyển tiếp từ năm 2017 và 03 dự án đầu tư mới, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư thực hiện	Thời gian đưa vào khai thác
1	Dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam	49,915	49,510	Tháng 11/2018
2	Dự án đầu tư 02 xe văn phòng 16 chỗ	2,03	1,724	Tháng 01/2019
3	Dự án đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn	3,60	3,500	Tháng 3/2019
4	Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý	2,30		Tạm dừng đầu tư
	Tổng cộng	57,845	54,734	

- Dự án đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn: Đến ngày 31/12/2018 Công ty đã hoàn thành công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp xe và ký kết hợp đồng mua xe với nhà thầu trúng thầu. Cuối tháng 02/2019 Công ty đã nhận xe, hoàn thành các thủ tục đăng ký, đăng kiểm xe, bàn giao xe cho khách hàng khai thác bắt đầu từ 01/03/2019. Tổng mức đầu tư thực hiện của dự án là 3,5 tỷ đồng.

- Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý: nhận thấy công tác xây dựng của Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ, Công

ty đã chủ động giãn tiến độ triển khai dự án phù hợp tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án.

Các dự án được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, quy định về đầu tư của Nhà nước, Tổng Công ty và Công ty. Các dự án hoàn thành dự kiến đều mang lại hiệu quả, góp phần củng cố và mở rộng thị trường cho thuê xe của Công ty tại khu vực phía Nam.

5. Công tác đào tạo, lao động tiền lương.

a) Công tác đào tạo:

Trong năm 2018, Công ty triển khai thực hiện cử 126 cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ do Tập đoàn, Tổng Công ty và các đơn vị khác tổ chức với số tiền là 1,057 tỷ đồng và 07 người tham gia các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho học viên lớp đối tượng kết nạp và lớp Đảng viên mới

b) Công tác lao động:

Số lao động tại thời điểm 31/12/2018 là 282 người, trong đó:

Khối trực tiếp SXKD:

Lĩnh vực/đơn vị	NV Điều hành	CN Lái xe
- Đội xe Văn phòng cho thuê:	02 người	22 người
- Chi nhánh Thái Bình:	06 người	-
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:	11 người	220 người
- Tổ dự án vận tải đá vôi :	01 người	-
Cộng:	20 người	242 người

Khối lao động gián tiếp gồm 19 người.

- Ban Giám đốc: 02 người, gồm GD và 1 PGD;
- Trưởng/phó phòng chức năng: 07 người (03 TP + 04 PP);
- Nhân viên văn phòng: 10 người.

Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT chuyên trách): 01 người

c) Công tác tiền lương:

Công tác chi trả lương cho CBCNV, người lao động luôn đảm bảo tiến độ trước ngày mùng 10 hàng tháng. Trong năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện công tác đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành công việc định kỳ hàng tháng để làm cơ sở chi trả lương cho khối lao động gián tiếp. Năm 2018, thu nhập bình quân 12 triệu đồng/người/tháng.

6. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các đoàn thể.

Năm 2018 chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị trong Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động hoạt động an sinh xã hội, đền ơn, đáp nghĩa, tương thân, tương ái và các hoạt động chăm lo đời sống cho CBCNV Công ty với số tiền 170 triệu đồng. Tổng số tiền ủng hộ các quỹ (Quỹ tương trợ đầu khí, Quỹ hoạt động của Đoàn thanh niên và Cựu chiến binh, Quỹ vì Phụ nữ khó khăn và Ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung) là: 230 triệu đồng.

Các phong trào đoàn thể tại Công ty góp phần tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động hăng say, tích cực lao động.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2018 Công ty đã đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người và tài sản trong mọi hoạt động SXKD. Công ty đã đạt chỉ tiêu về doanh thu, còn chỉ tiêu về lợi nhuận chưa hoàn thành.

- Công tác tổ chức quản lý, quản trị trong từng lĩnh vực kinh doanh tiếp tục có những điều chỉnh phù hợp, chuyển biến tích cực hơn so với những năm trước. Thị phần của lĩnh vực cho thuê xe văn phòng tại phía Nam được gia tăng và ổn định; Bộ máy quản lý điều hành được kiện toàn, sắp xếp lại theo nguyên tắc tinh giản bộ máy gián tiếp, tiết kiệm chi phí hành chính, nâng cao năng lực sản xuất trực tiếp. Các quy định, quy chế được rà soát, cập nhật, bổ sung, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty

- Công ty luôn chấp hành quy định của pháp luật và thực hiện đúng các văn bản nội bộ của đơn vị quy định trong việc thực hiện công tác huy động, quản lý và sử dụng vốn tại Công ty. Hiệu quả sử dụng vốn của Công ty đều đảm bảo yêu cầu, vốn chủ sở hữu cuối năm 2018 bằng 104% so với đầu năm 2018 (tăng 4%), tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2018 đạt 6,5%.

- Tình hình tài chính và công nợ phải thu đã được quản lý chặt chẽ, không có khoản công nợ khó đòi mới phát sinh. Các khoản công nợ phải trả được kiểm soát và quản lý chặt chẽ, Công ty tận dụng tốt dòng tiền trong kinh doanh để có lợi nhất cho Công ty, không để tình trạng phản hồi xấu của khách hàng. Các khoản nợ phải trả nhà nước được thanh toán đầy đủ.

Mặc dù kết quả đạt được còn rất khiêm tốn nhưng đó là sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty Đông Dương, sự quyết tâm, trách nhiệm của Ban lãnh đạo. Kết quả đạt được còn nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty PV Trans, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty. Trước mắt Công ty Đông Dương vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức, rất nhiều những việc phải làm trong năm 2019 và các năm tiếp theo. Tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động trong Công ty tiếp tục đoàn kết phát huy những kết quả đã đạt được và thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

B. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Trên cơ sở nguồn lực tài sản hiện có của Công ty cùng với các vấn đề tồn tại đã được giải quyết, công tác nhân sự được kiện toàn, nguồn lực tài chính tăng dần là những tiền đề để Công ty Đông Dương xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Duy trì ổn định, phát triển mở rộng hoạt động cho thuê xe văn phòng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành.

- Phát triển thị trường vận chuyển CNG nhằm trở thành một trong những lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả tốt của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác khai thác kinh doanh với các khách hàng để tối đa hóa khả năng sử dụng đội xe đầu kéo.

- Nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, chủ động nguồn hàng, triển khai hiệu quả công tác vận chuyển hàng hóa nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị.

- Chủ động tính toán tiếp tục triển khai thực hiện dự án đầu tư bến neo đậu tàu vào cảng các nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tiến độ của nhà máy, hiệu quả của dự án.

- Phát triển mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các nhiệm vụ mới khi được Tổng Công ty và HĐQT Công ty giao.

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí marketing, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động SXKD.

- Chú trọng đến công tác nhân sự, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

- Tăng cường công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chi phí đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.

- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn, Tổng Công ty phát động.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 (Phụ biểu chi tiết đính kèm)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	380.000
2	Lợi nhuận trước thuế	nt	11.500
3	Lợi nhuận sau thuế	nt	9.200
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	nt	9.600

Trong đó kế hoạch các lĩnh vực kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

a. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển CNG:

Tổ chức vận chuyển an toàn cho các khách hàng theo hợp đồng đã ký, cụ thể:

- Khai thác ổn định 06 bồn composite 40ft tại thị trường phía Nam với doanh thu 14,943 tỷ đồng/năm.

- Vận chuyển cho CNG Việt Nam: Tổng km vận doanh trên 0,78 triệu km/ năm với sản lượng vận chuyển đạt 20 triệu Sm³/năm. Doanh thu vận tải CNG từ đầu kéo là 21,148 tỷ đồng.

b. Kinh doanh xe văn phòng cho thuê:

- Theo kế hoạch, thời điểm đầu năm 2019 số xe tại các thị trường dự kiến như sau:

TT	Thị trường	Số lượng xe	Doanh thu (Tỷ đồng)	Lợi nhuận gộp (Tỷ đồng)
1	Hà Nội	29 xe (25 xe Công ty và 04 xe vệ tinh)	15,712	1,544
2	Tp. Hồ Chí Minh	234 xe (114 xe Công ty và 120 xe vệ tinh)	134,099	12,000

c. Vận tải than:

Năm 2019 để thực hiện dịch vụ vận tải than Công ty dự kiến sẽ thuê 02 tàu vệ tinh 2.000 DWT, tần suất khai thác 24 chuyến/ năm, với đơn giá 80.000 đ/tấn.

- Kế hoạch doanh thu: 7,680 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp: 104 triệu đồng/năm.

d. Kinh doanh và vận tải đá vôi :

- Sản lượng đá vôi mua bán và vận chuyển: 80.000 tấn/năm, đơn giá 200.000 đ/tấn.

- Kế hoạch doanh thu: 16 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp: 104 triệu/năm.

e. Kinh doanh bến neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý.

- Kế hoạch khai thác bến neo đậu trong năm 2019 là 08 sả lan 2000DTW/ngày, doanh thu 1,094 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp: 98 triệu/ năm.

f. Kinh doanh thương mại:

- Kế hoạch doanh thu từ hoạt động thương mại năm 2019 là 166,170 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp: 54 triệu/ năm.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2019

Theo Hợp đồng 165 ký với PVGas thì trong năm 2019 sẽ có 10 xe văn phòng đến kỳ cần thay thế, trên cơ sở đánh giá các phương án giữa đầu tư và thuê vệ tinh, nhận thấy việc đầu tư mang lại hiệu quả cao hơn, Công ty dự kiến sẽ đầu tư mới 10 xe văn phòng để tiếp tục dịch vụ đã ký kết, 10 xe cũ Công ty sẽ thực hiện thanh lý. Căn cứ nguồn lực tài chính hiện có và kế

hoạch thu xếp vốn đầu tư, với tổng mức đầu tư 10 xe văn phòng dự kiến là 11,5 tỷ đồng Công ty sẽ sử dụng 100% vốn chủ sở hữu.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Giải pháp trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

a. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển CNG:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành hoạt động vận chuyển CNG phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được yêu cầu quản lý ở từng giai đoạn.
- Phối hợp chặt chẽ với PVGasS, CNG trong việc tổ chức điều độ, vận chuyển, giao nhận hàng hóa ... đảm bảo tuân thủ tuyệt đối quy trình vận hành của các bên, kiểm soát tốt nhất các nguy cơ rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển.
- Kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nhiên liệu; thực hiện công tác kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thường xuyên và định kỳ đúng quy trình.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với Sở Giao thông, Sở Công an các địa phương nhằm đảm bảo luôn có giải pháp tốt nhất trong việc xử lý các sự cố phát sinh.

b. Kinh doanh xe văn phòng cho thuê

- Tiếp tục khai thác an toàn và hiệu quả các hợp đồng đã ký kết với khách hàng. Tiếp tục phát triển mở rộng thị trường xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội.
- Bám sát kế hoạch của các đơn vị trong ngành để thực hiện công tác marketing, phát triển cả số xe định hạn và số lượt xe chuyển. Chủ động xây dựng kế hoạch vận chuyển cho từng khách hàng trong cả năm nhằm mục tiêu ký kết được các hợp đồng vận chuyển trọn gói dài hạn.
- Thực hiện đầu tư phương tiện cho thuê theo nhu cầu của khách hàng và đầu tư để thay thế các xe định hạn đang cho thuê sau nhiều năm khai thác, điều chuyển các xe thay thế phát triển mở rộng dịch vụ xe chuyển.
- Hoàn thiện chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp: Xây dựng đơn giá cạnh tranh, hoàn thiện chất lượng dịch vụ xe văn phòng cho thuê trong cách thức quản lý, điều vận phương tiện và đặc biệt là tác phong phục vụ của lái xe.
- Tăng cường kiểm soát chi phí bảo dưỡng sửa chữa phương tiện, rà soát và điều chỉnh định mức tiêu hao nhiên liệu.

c) Kinh doanh vận chuyển than và đá vôi

- Chủ động nghiên cứu thị trường, bám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban QLDA Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1, 2 để sẵn sàng nguồn lực cho dự án, đảm bảo trúng thầu các gói thầu cung cấp/ vận chuyển than, đá vôi cho các Nhà máy này
- Tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực để sẵn sàng bố trí khi dự án đi vào hoạt động.

d) Kinh doanh thương mại

- Tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát công tác bán hàng, kiểm soát chặt chẽ công nợ khách hàng với mục tiêu đảm bảo an toàn tuyệt đối nguồn vốn kinh doanh.

2. Giải pháp trong công tác dự báo, phát triển thị trường.

- Chú trọng thực hiện và phát huy tốt hơn nữa công tác dự báo thị trường.
- Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng hiện có, chủ động xây dựng các cơ chế mở trong hợp tác kinh doanh để phát triển thêm khách hàng ở các lĩnh vực trên nguyên tắc hài hòa và lợi ích.
- Phối hợp chặt chẽ với PVGasS, CNG Việt Nam trong việc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho khách hàng, tạo các mối liên kết chặt chẽ, đảm bảo cho sự ổn định dài hạn trong hoạt động cung ứng dịch vụ vận chuyển CNG.
- Bám sát Ban Kinh doanh Tổng Công ty và phối hợp với PVTrans Hà Nội, phối hợp chặt chẽ và bám sát kế hoạch sản xuất của các Nhà máy nhiệt điện Thái Bình để hoàn thành công tác khảo sát, đầu tư và tổ chức cung ứng dịch vụ vận chuyển than cho các nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1, 2 theo kế hoạch được giao.

3. Giải pháp về tổ chức, quản lý.

- Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro trên toàn bộ các lĩnh vực, từ quản lý điều hành đến sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy điều hành phù hợp với kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty ở từng giai đoạn.
- Rà soát, tinh giản nhân sự ở các bộ phận gián tiếp, tổ chức lại bộ máy tại các đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện tốt nhất mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.
- Từng bước tuyển dụng nhân sự mới cho các lĩnh vực mới, bao gồm cả bộ phận gián tiếp và trực tiếp, hoàn thiện các cơ chế quản lý, quản trị, từng bước chuyển đổi mô hình quản lý điều hành như hiện nay sang mô hình khoán quản, tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Stt	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018		Tỷ lệ so sánh (%)
			Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	400,000	462,487	116%
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	233,500	161,804	69%
1.1	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	91,200	45,493	50%
-	<i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>91,200</i>	<i>45,493</i>	<i>50%</i>
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi		13,300	432	3%
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	129,000	115,879	90%
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>17,200</i>	<i>15,202</i>	<i>88%</i>
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>72,400</i>	<i>100,677</i>	<i>139%</i>
-	<i>Mở rộng thị trường xe vận phòng cho thuê</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>39,400</i>		<i>0%</i>
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	165,100	297,695	180%
3	Dịch vụ khác	Tr.đồng	1,400	124	
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	-	489	
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	-	2,376	
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	390,000	455,938	117%
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	371,700	441,089	119%
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	206,600	143,036	69%
-	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	76,000	32,830	43%
	+ <i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>76,000</i>	<i>32,830</i>	<i>43%</i>
-	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	12,600	421	3%
-	Vận tải khác	Tr.đồng	118,000	109,785	93%
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>14,980</i>	<i>13,741</i>	<i>92%</i>
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>67,360</i>	<i>96,044</i>	<i>143%</i>
	+ <i>Mở rộng thị trường xe vận phòng cho thuê</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>35,660</i>		<i>0%</i>
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	165,100	297,641	180%
1.3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	-	413	
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	6,000	2,703	45%
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	-		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	12,300	10,528	86%
5	Chi phí khác	Tr.đồng	-	1,618	
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10,000	6,550	65%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8,000	4,886	61%
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	10,700	9,329	87%

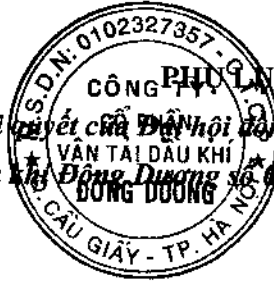
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019				
			Kế hoạch				
			Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	380,000	93,654	94,338	95,999	96,009
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	209,582	51,840	52,520	52,475	52,747
1.1	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	36,091	8,468	9,147	9,102	9,374
-	<i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>36,091</i>	<i>8,468</i>	<i>9,147</i>	<i>9,102</i>	<i>9,374</i>
1.2	Vận tải than		7,680	1,920	1,920	1,920	1,920
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi		16,000	4,000	4,000	4,000	4,000
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	149,811	37,452	37,453	37,453	37,453
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>15,712</i>	<i>3,928</i>	<i>3,928</i>	<i>3,928</i>	<i>3,928</i>
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>134,099</i>	<i>33,524</i>	<i>33,525</i>	<i>33,525</i>	<i>33,525</i>
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	166,170	41,540	41,545	41,540	41,545
3	Dịch vụ khác	Tr.đồng	1,094	274	273	274	273
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng					
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	3,154			1,710	1,444
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	368,500	91,893	92,256	92,178	92,173
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	354,104	88,277	88,603	88,643	88,581
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	186,992	46,499	46,825	46,865	46,803
-	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	27,252	6,564	6,890	6,930	6,868
	<i>+ Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>27,252</i>	<i>6,564</i>	<i>6,890</i>	<i>6,930</i>	<i>6,868</i>
-	Vận tải than		7,576	1,894	1,894	1,894	1,894
-	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	15,896	3,974	3,974	3,974	3,974
-	Vận tải khác	Tr.đồng	136,268	34,067	34,067	34,067	34,067
	<i>+ Vận tải xe vận phòng tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>14,168</i>	<i>3,542</i>	<i>3,542</i>	<i>3,542</i>	<i>3,542</i>
	<i>+ Vận tải xe vận phòng tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>122,100</i>	<i>30,525</i>	<i>30,525</i>	<i>30,525</i>	<i>30,525</i>
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	166,116	41,529	41,529	41,529	41,529
1.3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	996	249	249	249	249
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	4,976	1,346	1,298	1,200	1,132
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	9,420	2,270	2,355	2,335	2,460
5	Chi phí khác	Tr.đồng					
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11,500	1,761	2,082	3,821	3,836
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	9,200	1,409	1,666	3,057	3,069
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	9,600	1,930	1,988	2,842	2,840

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	C	1	2	3	7	8	9	10
	Tổng cộng (=A+B)	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
A	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
I	Dự án nhóm A								
II	Dự án nhóm B								
III	Dự án nhóm C	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	
2	Dự án khởi công mới *	Tỷ đồng							
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
	Đầu tư xe vận phòng cho thuê (10 xe)	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
B	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	



PHỤ LỤC 03:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 11/4/2019)

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT**



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Các hoạt động của BKS năm 2018

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 được bầu tại đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/04/2017 gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Thế Dân (Trưởng BKS kiêm nhiệm) có nội dung công việc: Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên BKS. Các nội dung thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán và hiệu quả SXKD. Công tác đầu tư. Lập Báo cáo Giám sát sau khi tổng hợp các ý kiến của các thành viên BKS.
- Ông Trần Minh Tuấn (TV BKS kiêm nhiệm) miễn nhiệm ngày 20/04/2018.
- Bà Lê Thị Hải Yến (TV BKS kiêm nhiệm) bổ nhiệm ngày 20/04/2018, có nội dung công việc: Công tác nhân sự, Công tác chi trả thu nhập và chế độ chính sách đối với Người lao động. Công tác phát triển nguồn nhân lực.
- Ông Phan Xuân Sơn (TV BKS kiêm nhiệm) có nội dung công việc: Công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp. Việc chấp hành các Quy chế, quy định và quy trình của Công ty.

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2018.

Ban Kiểm soát tập trung vào thực hiện kiểm soát các nội dung đã quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS, chưa tiến hành được các kiểm soát chuyên đề.

- Giám sát hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty PVTrans-PTT.
- Tham gia 100% các buổi họp của HĐQT về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đánh giá tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ và các yêu cầu của tổ chức kiểm toán độc lập.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- BKS đã tiến hành kiểm soát độc lập hoạt động của Công ty. Bao gồm:
 - + Chấp hành và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
 - + Quy trình, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
 - + Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018.

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu trong BCTC kiểm toán năm 2018 được đưa ra trong

Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực, khách quan tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty.

II. Kết quả hoạt động của Công ty

1. Đánh giá tình hình thực hiện doanh số và quản lý chi phí

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	459,62	518,80	88,59%
Giá vốn	441,09	494,31	89,23%
Lãi gộp	18,53	24,49	75,66%
Doanh thu TC	0,49	0,15	
Chi phí tài chính	2,70	4,88	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>2,70</i>	<i>4,88</i>	
Chi phí bán hàng	-	0,61	
Chi phí quản lý	10,53	11,45	91,96%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5,79	7,69	75,29%
Lợi nhuận trước thuế	6,55	7,39	88,63%
Lợi nhuận sau thuế	4,89	5,48	89,23%

Kết quả kinh doanh năm 2018 Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã trình Đại hội Đồng cổ đông (nếu loại trừ các yếu tố điều chỉnh để giúp cho tình hình tài chính của Công ty được lành mạnh hơn).

- Doanh thu năm 2018 giảm so với năm 2017, tỉ lệ giảm 12%. Chủ yếu do Công ty giảm kinh doanh loại hình thương mại vì có hiệu quả không đáng kể.
- Chi phí quản lý giảm 8% so với năm 2017 tương ứng với việc giảm doanh thu so với năm trước, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty cũng cần duy trì các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD.

2. Phân tích các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Đánh giá
I. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lãi gộp/ Doanh thu	4,03%	4,72%	Năm 2018 DT & GV đều giảm với tỷ lệ gần tương ứng, vì vậy dẫn đến các chỉ số tỉ suất lợi nhuận/ doanh thu năm 2018 ít biến động so với năm 2017.
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	1,43%	1,42%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	1,06%	1,05%	
II. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành (lần)	1,42	1,49	Hệ số thanh toán năm 2018 giảm so với năm 2017, nhưng đều lớn hơn 1 chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty vẫn trong tình trạng tốt và an toàn.
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,41	1,48	
III Khả năng hoàn vốn			

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Đánh giá
ROA (tỷ lệ hoàn vốn/ Tổng TS bình quân)	2,60%	2,92%	Do lợi nhuận sau thuế năm 2018 giảm dẫn đến các tỷ lệ khả năng hoàn vốn đều giảm so với năm 2017.
ROE (tỷ lệ hoàn vốn/ Vốn CSH bình quân)	4,50%	5,16%	
IV Hệ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay phải thu Khách hàng	11,07	9,81	Vòng quay phải thu khách hàng tăng chứng tỏ công ty thu hồi nợ tương đối tốt.
Số ngày công nợ phải thu	32	36	
IV Các chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ (Nợ phải trả/ Vốn CSH)	0,72	0,75	Hệ số năm 2018 giảm so với năm 2017, tuy nhiên biên độ giảm không đáng kể, cho thấy khả năng tài chính của Công ty vẫn ổn định và đang tốt dần lên.
Hệ số tự tài trợ (Vốn CSH/ Tổng tài sản)	0,59	0,57	Hệ số tự tài trợ năm 2018 tăng so với năm 2017. Nhưng tăng không nhiều cho thấy độ rủi ro về tài chính của Công ty vẫn đang được kiểm soát.

III. Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

- HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Ban KS đánh giá trách nhiệm của các TV HĐQT rất cao và tinh thần đoàn kết thống nhất trong việc phân công và chịu trách nhiệm ở các vị trí then chốt của Công ty.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Định kỳ ít nhất một quý một lần HĐQT đã duy trì đều đặn họp HĐQT, HĐQT đã kịp thời đánh giá hoạt động của Công ty, ban hành các nghị quyết thuộc thẩm quyền để giải quyết các đề xuất của các TV HĐQT và Ban GD. Các thành viên HĐQT hoạt động theo các nhiệm vụ được phân công cũng như hoạt động chung của HĐQT.
- HĐQT đã tiến hành phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2018 và giám sát thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch trong bối cảnh thực tế năm 2018 có nhiều khó khăn từ thị trường vận tải xe vận phòng, việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cho thấy có rất nhiều cố gắng.
- Ban Kiểm soát đánh giá cao HĐQT đã chủ động kiểm soát chi phí và nguồn nhân lực.
- Ban Kiểm soát nhận thấy các nghị quyết của HĐQT thường được ban hành và triển khai rất nhanh và có sự giám sát thực hiện. HĐQT đã đưa ra được quyết sách chiến lược để xây dựng và phát triển Công ty đảm bảo cho sự phát triển bền vững, mang lại giá trị Công ty cao.
- Ban Kiểm soát mong rằng HĐQT sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng quản lý tài chính; tăng cường triển khai giám sát nội bộ. Về tổ chức HĐQT, cần có sự phân công rành mạch hơn cho từng thành viên và giám sát việc thực hiện

nhiệm vụ được phân công nhằm huy động sự đóng góp ý tưởng công sức của các TV HĐQT.

IV. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Năm 2018 tuy có nhiều sự khó khăn về điều kiện kinh doanh nhưng nhịp độ kinh doanh vẫn được duy trì và tăng trưởng. Ban GD đã nỗ lực điều hành sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.
- Năm 2018 là năm có sự biến động về nhân lực. Tuy nhiên Ban Giám đốc đã nhanh chóng tổ chức lại bộ máy cũng như điều chỉnh kịp thời về nhân lực đảm bảo hoạt động của Công ty được bình thường. Ban GD cũng nỗ lực tìm kiếm nhân sự chất lượng cao, triển khai các biện pháp quản lý luân chuyển cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì môi trường làm việc giữ vững văn hóa Công ty, thực hiện các chính sách người lao động cũng như duy trì các hoạt động đoàn thể.
- Ban GD đã tiến hành tìm kiếm cơ hội kinh doanh, phát triển đội xe, nhằm đáp ứng thị trường trong giai đoạn sau, đặc biệt bắt nhịp với nhu cầu của thị trường thuê xe văn phòng trong nội bộ ngành dầu khí.
- Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả cao và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

V. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành

- Trong năm 2018 sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được thực hiện tốt.
- HĐQT và BGD cũng như các Phòng Ban chuyên môn của Công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ rất nhiều cho Ban kiểm soát để BKS có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

VI. Kế hoạch hoạt động năm 2019 của BKS

- Họp Ban kiểm soát 4 lần/năm vào ngày 15 của tháng đầu tiên của Quý;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện theo nghị quyết của HĐQT và Ban điều hành Công ty;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý và kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành Công ty;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán và các Cơ quan thanh kiểm tra (nếu có).
- Tiến hành kiểm soát chuyên đề hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

VII. Kết luận và kiến nghị

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2018, Ban Kiểm soát Công ty Đông Dương nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ luật pháp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Những Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều căn cứ theo thẩm quyền và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban Giám đốc điều hành thực hiện đúng Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, chấp hành theo đúng pháp luật.

Trong năm 2019, BKS kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành như sau:


- Triển khai thực hiện các phương án kinh doanh thật sát với thực tế để có đủ nguồn lực phù hợp thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2019;

- Có các phương án và giải pháp kinh doanh có hiệu quả các phương tiện đã cũ, thời gian sử dụng lâu để đảm bảo phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý, quản trị để không ngừng nâng cao giá trị Công ty và tối đa hóa lợi ích của cổ đông.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

 PHỤ LỤC 04:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2019)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
BỞI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

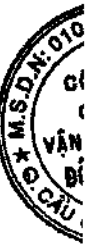
Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

32735
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU
KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
HÀ NỘI - VIỆT NAM

TRÁI Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên
Bà Vũ Thị Phương Nga	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Phong	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018)
Ông Hoàng Trung Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018)
Ông Bùi Hữu Cơ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Chấn	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐỒNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

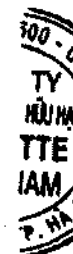
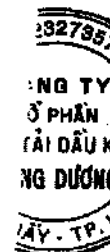
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.509.344.763	71.594.116.340
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.641.497.865	14.291.499.140
1. Tiền	111		9.543.365.691	9.291.499.140
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.098.132.174	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	580.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	580.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.405.426.114	52.887.894.811
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	27.359.579.542	51.387.202.692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.208.473.455	208.672.630
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.301.668.187	2.161.705.571
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.211.926.620)	(1.617.317.632)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		747.631.550	747.631.550
IV. Hàng tồn kho	140	8	391.607.395	540.382.476
1. Hàng tồn kho	141		832.028.892	1.348.061.642
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(440.421.497)	(807.679.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.070.813.389	3.294.339.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.281.710.906	2.141.842.600
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.768.361.717	1.131.756.547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	20.740.766	20.740.766
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		139.193.220.656	115.510.031.991
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.561.387.500	1.453.387.500
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	1.561.387.500	1.453.387.500
II. Tài sản cố định	220		137.307.208.572	113.734.019.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	137.307.208.572	113.734.019.454
- Nguyên giá	222		203.706.940.080	159.401.868.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.399.731.508)	(45.667.848.942)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.000.000)	(51.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		202.325.000	202.325.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202.325.000	202.325.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		122.299.584	120.300.037
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	122.299.584	120.300.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		189.702.565.419	187.104.148.331

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

232736
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 VẬN TẢI DẦU
 KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
 HÀ NỘI - TP

M.S.D.A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.816.472.092	80.546.119.166
I. Nợ ngắn hạn	310		35.524.476.918	47.885.348.463
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	10.022.524.263	29.503.510.548
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	52.372.836
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	614.156.076	3.004.591.417
4. Phải trả người lao động	314		2.363.883.438	2.171.072.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.858.691.053	2.330.089.093
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		507.500.000	836.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.537.746.559	1.843.424.178
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	15.406.275.529	6.313.050.360
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	1.135.000.000	1.830.737.894
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		78.700.000	-
II. Nợ dài hạn	330		43.291.995.174	32.660.770.703
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	2.943.583.653	2.352.083.653
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	40.348.411.521	30.308.687.050
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.886.093.327	106.558.029.165
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	110.886.093.327	106.558.029.165
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.886.093.327	6.558.029.165
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.000.029.165	1.079.142.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.886.064.162	5.478.886.518
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		189.702.565.419	187.104.148.331



TRÁ Đ

Lê Thị Kiều Trâm

Lê Thị Kiều Trâm
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền

Nguyễn Thị Huyền
Phụ trách kế toán



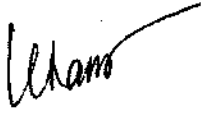
Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	459.622.398.062	518.802.857.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	459.622.398.062	518.802.857.455
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	441.089.325.731	494.311.589.549
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.533.072.331	24.491.267.906
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		488.726.296	145.589.475
7. Chi phí tài chính	22		2.702.894.445	4.878.223.166
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.702.894.445	4.878.223.166
8. Chi phí bán hàng	25	21	-	608.512.344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	10.527.745.207	11.453.795.759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		5.791.158.975	7.696.326.112
11. Thu nhập khác	31	22	2.376.090.056	1.171.774.073
12. Chi phí khác	32	23	1.617.668.386	1.476.268.525
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		758.421.670	(304.494.452)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.549.580.645	7.391.831.660
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	1.663.516.483	1.912.945.142
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		4.886.064.162	5.478.886.518
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25		492


Lê Thị Kiều Trâm
Người lập biểu


Nguyễn Thị Huyền
Phụ trách kế toán




Nguyễn Văn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.549.580.645	7.391.831.660
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.093.609.061	27.685.356.836
Các khoản dự phòng	03	(1.468.386.575)	265.007.131
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.020.544.478)	(945.658.219)
Chi phí lãi vay	06	2.702.894.445	4.878.223.166
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.857.153.098	39.274.760.574
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.122.711.754	36.552.664.232
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	516.032.750	1.754.139.173
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(20.319.422.521)	(41.423.364.594)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(141.867.853)	931.364.885
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.702.894.445)	(4.878.223.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.377.959.448)	(1.545.601.119)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	951.540.000	2.011.600.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(642.533.334)	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.262.760.001	31.277.339.985
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(46.666.798.179)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.531.818.182	14.116.738.739
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(580.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	580.000.000	5.000.000.000
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	509.269.081	113.229.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.045.710.916)	18.649.968.020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	32.421.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.288.050.360)	(43.589.681.190)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.132.949.640	(43.589.681.190)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.650.001.275)	6.337.626.815
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.291.499.140	7.953.872.325
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	12.641.497.865	14.291.499.140



12/11/2019

Lê Thị Kiều Trâm

Lê Thị Kiều Trâm
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền

Nguyễn Thị Huyền
Phụ trách kế toán



Nguyễn Quang Huy

Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 282 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 192 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

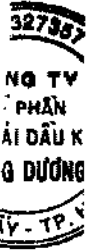
Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản

327357

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TÀI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG

TP. HCM

10/01/2011

đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	442.036.194	120.279.999
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.101.329.497	9.171.219.141
Các khoản tương đương tiền	3.098.132.174	5.000.000.000
	12.641.497.865	14.291.499.140

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.185.268.327	32.599.964.288
Công ty TNHH Castrol BP Petco	1.720.716.800	-
Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning (Việt Nam)	154.842.600	-
Công ty Cổ phần thương mại Dầu khí An Dương	-	16.595.640.600
Công ty TNHH Sellan gas	-	9.222.762.613
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Duy Vũ	-	712.600.000
Công ty Cổ phần Việt Xô Gas	-	882.711.614
Đối tượng khác	9.309.708.927	5.186.249.461
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 27)	16.174.311.215	18.787.238.404
	27.359.579.542	51.387.202.692

232735
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 TẢI DẦU
 ĐÔNG DƯƠNG
 GIẤY - TP

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn:	2.301.668.187	2.161.705.571
Tạm ứng	1.180.743.870	987.331.093
- Trong đó: Tạm ứng khối lái xe thành phố Hồ Chí Minh	1.114.195.755	609.856.997
Khác	1.120.924.317	1.174.374.478
b. Dài hạn:	1.561.387.500	1.453.387.500
Ký cược, ký quỹ	1.561.387.500	1.453.387.500
	3.863.055.687	3.615.093.071

50
 1
 MI
 11
 N
 17

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng đã trích	Giá gốc	Dự phòng đã trích
	VND	VND	VND	VND
Công nợ phát sinh trên 3 năm	1.252.734.822	1.211.926.620	1.617.317.362	1.617.317.632
- Phải thu khách hàng	351.848.768	337.170.716	572.480.598	572.480.598
- Phải thu ngắn hạn khác	797.551.482	771.421.332	935.816.165	935.816.435
- Trả trước cho nhà cung cấp	103.334.572	103.334.572	109.020.599	109.020.599

Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	832.028.892	440.421.497	1.284.473.586	807.679.166
Hàng hoá	-	-	63.588.056	-
Cộng	832.028.892	440.421.497	1.348.061.642	807.679.166

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.281.710.906	2.141.842.600
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.281.710.906	2.141.842.600
b) Dài hạn	122.299.584	120.300.037
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	122.299.584	120.300.037
	2.404.010.490	2.262.142.637



10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	3.162.296.301	156.168.330.731	71.241.364	159.401.868.396
Mua sắm mới	-	46.666.798.179	-	46.666.798.179
Thanh lý trong năm	-	(2.361.726.495)	-	(2.361.726.495)
Phân loại lại	665.692.640	(665.692.640)	-	-
Số dư cuối năm	3.827.988.941	199.807.709.775	71.241.364	203.706.940.080
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.974.833.648	42.621.773.930	71.241.364	45.667.848.942
Trích khấu hao trong năm	187.462.653	22.906.146.408	-	23.093.609.061
Thanh lý trong năm	-	(2.361.726.495)	-	(2.361.726.495)
Phân loại lại	665.692.640	(665.692.640)	-	-
Số dư cuối năm	3.827.988.941	62.500.501.203	71.241.364	66.399.731.508
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	187.462.653	113.546.556.801	-	113.734.019.454
Tại ngày cuối năm	-	137.307.208.572	-	137.307.208.572

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 105.800.511.613 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 62.683.186.800 VND) để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 16).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.869.460.286 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.391.980.941 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	9.178.363.753	9.178.363.753	21.481.508.086	21.481.508.086
Công ty TNHH MTV TM&DV Huy Hoàng Hà	2.959.557.930	2.959.557.930	530.659.000	530.659.000
Công ty TNHH Tú An	-	-	16.595.640.600	16.595.640.600
Các đối tượng khác	6.218.805.823	6.218.805.823	4.355.208.486	4.355.208.486
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 27)	844.160.510	844.160.510	8.022.002.462	8.022.002.462
	10.022.524.263	10.022.524.263	29.503.510.548	29.503.510.548

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm VND	Số phải nộp/ thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	20.740.766	-	-	20.740.766
Thuế GTGT đầu ra	20.740.766	-	-	20.740.766
Cộng	20.740.766	-	-	20.740.766
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.193.464.074	7.436.247.440	9.081.244.999	548.466.515
- Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	2.193.464.074	7.436.247.440	9.081.244.999	548.466.515
Thuế thu nhập doanh nghiệp	701.893.595	1.663.516.483	2.377.959.448	(12.549.370)
Các loại thuế khác	109.233.748	229.660.811	260.655.628	78.238.931
Thuế thu nhập cá nhân	109.233.748	224.660.811	255.655.628	78.238.931
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	3.004.591.417	9.329.424.734	11.719.860.075	614.156.076



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 16)	6.313.050.360	6.313.050.360	22.381.275.529	13.288.050.360	15.406.275.529	15.406.275.529
CỘNG	6.313.050.360	6.313.050.360	22.381.275.529	13.288.050.360	15.406.275.529	15.406.275.529

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm chi phí trích trước sửa chữa lớn cho dự án CNG ở Thái Bình và xe cho thuê dịch vụ.

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu phần ảnh hưởng tiền nhận đặt cọc của lái xe và khách hàng thuê xe.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	36.621.737.410	36.621.737.410	32.421.000.000	13.288.050.360	55.754.687.050	55.754.687.050
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
- HĐ số 1502LA/201600787 ký ngày 14/12/2016 (I)	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội	22.621.737.410	22.621.737.410	32.421.000.000	13.288.050.360	41.754.687.050	41.754.687.050
- HĐ số 28010.16.820.857575 ký ngày 30/06/2016 (II)	22.621.737.410	22.621.737.410	-	13.288.050.360	9.333.687.050	9.333.687.050
- HĐ số 41527.18.820.857575 ký ngày 22/11/2018 (III)	-	-	31.421.000.000	-	31.421.000.000	31.421.000.000
- HĐ số 44702.18.820.857575 ký ngày 10/12/2018 (IV)	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	36.621.737.410	36.621.737.410	32.421.000.000	13.288.050.360	55.754.687.050	55.754.687.050

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng 6.313.050.360
Số phải trả sau 12 tháng 30.308.687.050

15.406.275.529
40.348.411.521

(I) Các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 12 năm 2016 để thanh toán tiền mua ô tô các loại. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên (không có ân hạn). Các khoản vay sẽ được trả đều 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Khoản vay-chịu lãi suất 8,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu-tiền và lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả sau của Agribank Hoàn Kiếm cộng 2,5% đến 3%/năm, trả nợ lãi hàng tháng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm 20 xe ô tô các loại có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 16.324.428.464 VND.

(II) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho mục đích thanh toán thư tín dụng cho hợp đồng mua bồn từ Công ty Xperion Energy & Environment GmbH. Hợp đồng vay có hạn mức là 1.428.000 EUR, thời hạn giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Thời gian cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

tiền là 7,9%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 1,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 06 bồn Composite CNG có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 36.496.041.641 VND.

(iii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 22 tháng 11 năm 2018 cho mục đích thanh toán một phần tiền mua lô 64 xe ô tô đã qua sử dụng theo hợp đồng kinh tế số 59/2018/HĐMB/PCT-PTT ký ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long. Hợp đồng vay có hạn mức là 31.421.000.000 VND, thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian cho vay là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo tính từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian rút vốn vay 03 tháng kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2018, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 8,0%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung hạn linh hoạt VND kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 2,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 64 xe ô tô Cửu Long có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 43.986.653.451 VND.

(iv) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 10 tháng 12 năm 2018 cho mục đích thanh toán một phần tiền mua 02 xe ô tô Ford Transit theo hợp đồng kinh tế số 13981118/HĐDKT/2018/VTDKDD-THANHXUAN ngày 12 tháng 11 năm 2018 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Ô tô Thanh Xuân. Hợp đồng vay có hạn mức là 1.014.000.000 VND, số tiền giải ngân trên kế ước nhận nợ là 1.000.000.000 VND. Thời gian cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn 2 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 8%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung hạn linh hoạt VND kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 2,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 02 xe Ford Transit có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.570.463.636 VND.



18/11/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	15.406.275.529	6.313.050.360
Trong năm thứ hai	20.540.346.908	9.916.398.360
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	19.808.064.613	20.392.288.690
	55.754.687.050	36.621.737.410
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	15.406.275.529	6.313.050.360
<i>(được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>		
Số phải trả sau 12 tháng	40.348.411.521	30.308.687.050

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> VND	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	1.079.142.647	101.079.142.647
Lợi nhuận trong năm	-	5.478.886.518	5.478.886.518
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	6.558.029.165	106.558.029.165
Lợi nhuận trong năm	-	4.886.064.162	4.886.064.162
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(558.000.000)	(558.000.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	10.886.093.327	110.886.093.327

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	38.670.000.000	38,67	48.670.000.000	4.867.000	48.670.000.000	4.867.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	10.002.000.000	10,00	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	-	-
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	-	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	-	-	10.000.000.000	1.000.000	-	-
Bà Trần Thị Thu Hà	-	-	10.254.000.000	1.025.400	-	-
Các cổ đông khác	11.328.000.000	11,33	11.076.000.000	1.107.600	31.330.000.000	3.133.000
	100.000.000.000	100	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	459.622.398.062	518.802.857.455
Doanh thu bán hàng	297.694.851.049	332.008.209.898
Doanh thu cung cấp dịch vụ	161.927.547.013	186.794.647.557
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 27)</i>	<i>165.884.387.540</i>	<i>111.642.681.304</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	459.622.398.062	518.802.857.455

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	297.640.752.879	331.791.751.136
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	143.448.572.852	162.519.838.413
	441.089.325.731	494.311.589.549

128273
ÔNG T
CỔ PHẦN
TẢI DẦU
KHÍ ĐÔNG
DƯƠNG
HÀ NỘI - TP

500 - C.I.
CÔNG TY
HỮU HẠN
TTE
VAM
TP. HÀ NỘI

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.399.321.158	9.927.375.259
Chi phí nhân công	35.504.183.025	32.822.700.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.906.146.408	26.277.049.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.787.528.159	78.293.240.988
Chi phí khác bằng tiền	17.746.396.978	27.260.746.455
	154.343.575.728	174.581.112.173

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	10.527.745.207	11.453.795.759
Chi phí nhân công	4.440.987.901	5.434.597.054
Chi phí vật liệu quản lý	261.117.185	532.634.972
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.040.500	58.603.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.701.122	158.776.566
Chi phí thuê, phí và lệ phí	39.583.873	94.766.620
Chi phí dự phòng	1.433.969.895	542.017.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.483.603.355	3.524.742.721
Chi phí khác bằng tiền	677.741.376	1.107.656.992
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	608.512.344
Chi phí phát triển thị trường	-	608.512.344

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.531.818.182	800.068.744
Thu nhập khác	844.271.874	371.705.329
	2.376.090.056	1.171.774.073



23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	-	1.347.057.764
Chi phí khác	1.617.668.386	129.210.761
	1.617.668.386	1.476.268.525

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	6.549.580.645	7.391.831.660
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	1.768.001.770	2.172.894.050
<i>Cộng: Chi phí không hợp lệ</i>	1.768.001.770	2.172.894.050
Thu nhập chịu thuế	8.317.582.415	9.564.725.710
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.663.516.483	1.912.945.142
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.663.516.483	1.912.945.142

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.886.064.162	5.478.886.518
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	558.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.886.064.162	4.920.886.518
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	489	492

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính và trình bày lại trên cơ sở lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đi Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích cho năm 2017 (theo Nghị quyết liên tịch số 06-NQLT/DBBP-CD-VTDKĐD ngày 25 tháng 5 năm 2018). Số lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được xác định lại là 492 VND/cổ phiếu (số trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là 548 VND/cổ phiếu). Công ty chưa ước tính được Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích cho năm 2018, do vậy, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa bao gồm ảnh hưởng của việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	38.806.523.194	18.530.150.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	12.978.639.782	10.252.500.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.354.864.753	7.174.980.000
	21.333.504.535	17.427.480.000

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.



27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Tổng Công ty
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
3	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Cùng Tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
6	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Cùng Tập đoàn
11	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
12	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
13	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	Cùng Tập đoàn
14	Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
15	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
18	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Cùng Tập đoàn
19	Công ty Cổ phần Vận tải khí và hóa chất Việt Nam	Cùng Tập đoàn
20	Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	Cùng Tập đoàn
21	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn

232736

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG

17-TP

125

NG
HIỂM
LỢI
TÀI

14

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu	16.174.311.215	18.787.238.404
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	11.152.316.903	8.583.862.165
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	2.527.642.509	2.248.414.158
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	1.702.079.605	2.825.908.206
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	318.100.698	290.386.198
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	230.120.000	242.770.000
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	224.592.500	220.000.000
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	19.459.000	504.260.185
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	-	3.871.637.492
Phải trả	844.160.510	8.022.002.462
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	430.148.010	720.354.070
Công ty Cổ phần Vận tải khí và hóa chất Việt Nam	414.012.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	-	3.794.200.846
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	-	3.507.447.546

(Handwritten signature)

Lê Thị Kiều Trâm
Người lập biểu

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Huyền
Phụ trách kế toán



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số QĐ/Q-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2019)

BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2019
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.



BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2019
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.

1. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2018:

- Đối với Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên kiêm nhiệm:

- + Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/tháng
- + Kiểm soát viên : 1.000.000 đồng/người/tháng

Phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHCĐ năm 2018 phê duyệt.

Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với 04 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS kiêm nhiệm trong năm 2018 là: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

- Tiền lương, tiền thưởng của 01 Thành viên HĐQT chuyên trách đảm nhận chức vụ từ 20/4/2018 là: 257.775.336 đồng (thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương).

2. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2019:

- Thù lao kiêm nhiệm:

- + Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/tháng
- + Kiểm soát viên : 1.000.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng BKS, KSV kiêm nhiệm năm 2019 dự kiến là: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).


- Tiền lương, tiền thưởng của Thành viên HĐQT chuyên trách (01 người): Giao cho HĐQT thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 06:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/2019-Q-VTDKĐD-DHĐCD ngày 11/4/2019)



PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2018



PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2018

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 theo BCTC đã được kiểm toán	10.886.093.327	
1.1	Lợi nhuận năm 2017 chuyển sang	6.000.029.165	
1.2	Lợi nhuận thực hiện năm 2018	4.886.064.162	
2	Lợi nhuận đem phân phối	7.054.425.665	
2.1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	100.000.000	
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	1.465.819.249	30%/(1.2)
2.3	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	488.606.416	10%/(1.2)
2.4	Chia cổ tức bằng tiền mặt	5.000.000.000	5%/VDL
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 để lại chuyển sang năm sau (năm 2019)	3.831.667.662	



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 07:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKDD-DHĐCD ngày 11/4/2019)

Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương năm 2019



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I.....	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ:.....	4
CHƯƠNG II:	5
TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. 5	5
Điều 2. Tên, Người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.	5
CHƯƠNG III.....	5
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
CHƯƠNG IV	7
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	7
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
CHƯƠNG V.....	9
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.....	9
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty	9
CHƯƠNG VI.....	9
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	9
Điều 10. Quyền của cổ đồng.....	9
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đồng.....	10
Điều 12. Đại hội đồng cổ đồng	10
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đồng	12
Điều 14. Đại diện theo uỷ quyền.....	13
Điều 15. Thay đổi các quyền	14
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đồng.....	15
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng.....	16
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng.....	17
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đồng.....	19

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 22. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
CHƯƠNG VII.....	23
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 23. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:	23
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	24
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	25
Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	28
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	28
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	29
Điều 29. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị	32
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	32
CHƯƠNG VIII.....	33
GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	33
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 32. Người điều hành Công ty	33
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	33
CHƯƠNG IX.....	34
BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	34
Điều 35. Kiểm soát viên	35
Điều 36. Ban Kiểm soát.....	36
CHƯƠNG X.....	37
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	37
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng.....	37
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
CHƯƠNG XI.....	40
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	40
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	40
CHƯƠNG XII.....	40
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn.....	40

CHƯƠNG XIII	40
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	40
CHƯƠNG XIV	41
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH	41
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	41
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 44. Năm tài chính.....	41
Điều 45. Chế độ Kế toán	42
CHƯƠNG XV	42
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM	42
CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	42
Điều 47. Báo cáo thường niên	43
CHƯƠNG XVI	43
KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 48. Kiểm toán	43
CHƯƠNG XVII	43
CON DẤU	43
Điều 49. Con dấu.....	43
CHƯƠNG XVIII	43
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	43
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	43
Điều 51. Thanh lý.....	44
CHƯƠNG XIX	44
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
CHƯƠNG XX	45
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	45
CHƯƠNG XXI	45
NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tổ chức chính thức vào ngày 11 tháng 4 năm 2019.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ:

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - c. “Luật chứng khoán” là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu.
 - e. “Người điều hành Công ty” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán Trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ này.
 - f. “Người quản lý khác” là người được Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty
 - g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
 - h. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - i. Cổ đông của Công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - j. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.
 - k. “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Điều lệ này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II:**TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

Điều 2. Tên, Người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: PVTRANS-PTT

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84-24) 35563031/32

- Fax: (84-24) 35563033

- E-mail: petrotrans@fpt.vn

- Website: <http://pvtrans-ptt.vn>

4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ trường hợp giải thể Công ty theo Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau: vận chuyển hành khách theo hợp đồng; vận chuyển hành khách theo tuyến cố định; vận tải hàng hoá xăng, dầu, gas.

- Cho thuê xe tự lái.

- Buôn bán xăng, dầu, khí hoá lỏng.

- Dịch vụ bến đỗ xe, trạm dừng xe.
- Lữ hành nội địa và quốc tế.
- Sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
- Kinh doanh ngành gas: chế tạo, sửa chữa bình gas; chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt.
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng xe taxi.
- Kinh doanh bất động sản: đầu tư tạo lập, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản.
- Dịch vụ quảng cáo, quản lý, đấu giá và tư vấn về bất động sản (không bao gồm hoạt động về tư vấn giá đất).
- Mua bán phân bón hoá học, phân vi sinh
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ Quảng cáo thương mại.
- Kinh doanh, buôn bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: Các loại hạt nhựa Polypropylene (PP), Polyethylene (PE); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm, đồ lưu niệm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí”.
- Mua bán khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác.
- Mua bán than.
- Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển khí CNG.
- Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển than.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường bộ và đường thủy.
- Cung ứng lao động tạm thời (Chi tiết: Cho thuê lại lao động) và Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Thu lợi nhuận tối đa, tăng giá trị doanh nghiệp;
- Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông;
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động;
- Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước;

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần (*Mười triệu cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 10.000.000 cổ phần phổ thông (*Mười triệu cổ phần*). Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp
3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty (nếu có).

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc/và Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - d. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quản trị của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải

hợp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Công ty có thể mời đại diện Công ty Kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo,

Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp

- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với loại cổ phần;

- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật;
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho Luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những

người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các loại cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp;
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa

chi trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ

ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại cuộc họp theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm

soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;

Thông báo về việc tổ chức họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của cuộc họp.
12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - d. Dự án đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số

thành viên quy định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định;

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết ;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

Điều 22. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá năm (5) công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của Công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người điều hành Công ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
- f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- m. Quyết định chào giá bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- n. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- p. Các quyền và nghĩa vụ khác nếu có;

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Công ty;
 - c. Thành lập Công ty con của Công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.
 - d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1 Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - g. Việc mua lại hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các tài sản phi tiền tệ khác;
 - i. Việc mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế. Trường hợp sau mười (10) ngày làm việc, Hội đồng Quản trị vẫn chưa tổ chức cuộc họp để bầu Chủ tịch, Ban Kiểm soát sẽ chủ trì triệu tập tổ chức cuộc họp của Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty;

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban Kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2, Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai (02) trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất (01). Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của một thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị

Điều 29. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của

- pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để Công ty đạt được các mục tiêu đã đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tiền thù lao, tiền lương, lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị, thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;
 - f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của Công ty.
 - h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của Công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Điều lệ Công ty;
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên

này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Người điều hành Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ các trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:
 - a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 - b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;
 - c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

- d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRÙ, NĂM TÀI CHÍNH** **VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (1) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai (12) cùng năm.

Điều 45. Chế độ Kế toán

1. Chế độ Kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này, Công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán; báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.
3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu (6) tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY****Điều 48. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

**CHƯƠNG XVII
CON DẤU****Điều 49. Con dấu**

1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG XVIII
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ****Điều 50. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c. Các trường hợp theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của Người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) cho đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác và Điều lệ Công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay Người điều hành Công ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày

làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án Kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương nhất trí thông qua ngày 11 tháng 4 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

01 **Phạm Anh Tuấn**

02 **Nguyễn Mạnh Hùng**

03 **Vũ Thị Phương Nga**

04 **Hoàng Trung Hưng**

05 **Bùi Hữu Cơ**

06 **Nguyễn Quang Huy**



Số: 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0102327357, đăng ký lần đầu: ngày 25/07/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 13: ngày 01/6/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Thời gian họp đại hội đồng cổ đông: 14h00 ngày 11/4/2019

Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông: Phòng họp tầng 5, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI:

I. Thành phần tham dự và tính pháp lý của Đại hội:

1. Chủ tọa Đại hội:

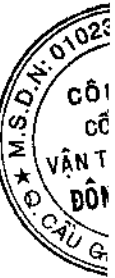
Theo quy định của Điều lệ Công ty, ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa điều hành Đại hội.

2. Cổ đông tham dự:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Thanh Bình – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự đại hội: tại thời điểm 14 giờ 00 phút ngày 11/4/2019 có tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội là 13 cổ đông (trong đó cổ đông tham dự trực tiếp là 05 cổ đông, tham dự thông qua ủy quyền là 08 cổ đông) đại diện cho 8.929.320 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 89,2932% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/3/2019 (chi tiết Báo cáo đính kèm).

3. Căn cứ Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: “ Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết”. Như vậy, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

II. DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CUỘC HỌP:



A. Khai mạc và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký, Tổ Kiểm phiếu và quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết và chương trình đại hội:

1. Ban tổ chức Đại hội đã tiến hành khai mạc Đại hội.
2. Ban tổ chức thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Tổ Kiểm phiếu.

- **Đoàn Chủ tịch gồm:**

- + Ông Phạm Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội.
- + Ông Nguyễn Quang Huy - Giám đốc - Thành viên.

- **Tổ Thư ký gồm:**

- + Bà Đỗ Lan Phương - Phó phòng TCHC, Thư ký Công ty - Tổ trưởng
- + Bà Phạm Thanh Hoa - Nhân viên P.TCHC - Tổ viên

- **Tổ Kiểm phiếu gồm:**

- + Ông Nguyễn Thanh Bình - Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Tổ trưởng
- + Ông Nguyễn Huy Bình - Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư - Tổ viên
- + Bà Nguyễn Thị Tình - Phó phòng Kinh doanh - Tổ viên
- + Bà Nguyễn Thanh Hiền - Nhân viên phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư - Tổ viên
- + Bà Nguyễn Thị Vân Hạnh - Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch - Tổ viên

Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ thư ký và Tổ Kiểm phiếu.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

3. Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua Nội dung chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội và Thể lệ biểu quyết tại Đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

B. Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại đại hội:

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết để thông qua các nội dung như sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 01):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 77,5780% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

2. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019 của Giám đốc (Phụ lục 02):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 77,5780% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

3. Báo cáo hoạt động năm 2018 và Kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát (Phụ lục 03):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

4. Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Phụ lục 04):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

5. Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	400,000	462,490	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	10,000	6,550	65%
3	Lợi nhuận sau thuế	8,000	4,890	61%
4	Nộp ngân sách nhà nước	10,700	9,330	87%
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	57,845	54,734	95%

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

6. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018, giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để thực hiện phương án phân phối lợi nhuận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (Phụ lục 05):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

7. Kế hoạch SXKD năm 2019 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	380,000
2	Tổng chi phí	368,500
3	Lợi nhuận trước thuế	11,500
4	Lợi nhuận sau thuế	9,200
5	Nộp ngân sách nhà nước	9,600
6	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	11,500

Ghi chú: Phụ lục Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị năm 2019 đính kèm.

Và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 77,5780% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

8. Báo cáo thực hiện thù lao năm 2018 và Kế hoạch thù lao năm 2019 của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (*Phụ lục 06*):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

9. Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

10. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh; Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty: cụ thể bổ sung ngành, nghề kinh doanh tại Khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải và Giao cho Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty (*Phụ lục 07*):

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

11. Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Đỗ Trung Thành:

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

12. Miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với ông Nguyễn Thế Dân:

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

13. Thông qua việc bầu một (01) thành viên HĐQT kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2019 - 2024 của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng:

Số phiếu bầu: 8.927.190 phiếu / 8.929.320 quyền bầu, đạt tỷ lệ bầu: 99,9761%

14. Thông qua việc bầu một (01) Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty như sau:

Bà Phan Thị Thu Hà:

Số phiếu bầu 7.927.190 phiếu / 8.929.320 quyền bầu, đạt tỷ lệ bầu: 88,7771%.

C. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Câu hỏi: Đối với chỉ tiêu lợi nhuận năm 2018 không đạt kế hoạch mà ĐHCĐ đã giao do nguyên nhân phân bổ chi phí của Hợp đồng quyền khai thác kinh doanh 3,6 tỷ đồng vào chi phí năm 2018. Công ty cần thực hiện phân bổ chi phí dự án từng năm theo vòng đời dự án để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận do ĐHCĐ đã giao.

Trả lời: Việc hạch toán vào chi phí năm 2018 theo các quy định hiện hành đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty cho những năm tiếp theo.

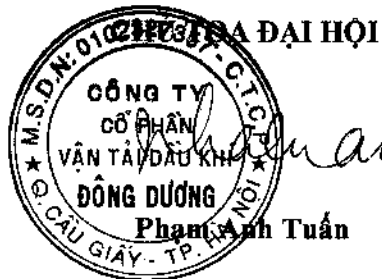
Biên bản Đại hội gồm 05 trang, đã được đọc công khai cho toàn thể Cổ đông tham dự Đại hội cùng nghe. Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung của Biên bản Đại hội và ủy quyền lại cho Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội cùng ký tên.

Biên bản được lập và thông qua vào hồi 16 giờ 45 phút ngày 11/4/2019.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đỗ Lan Phương



Phan Anh Tuấn



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 01:
(Đính kèm Biên bản họp Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKĐD-DHĐCĐ ngày 11/4/2019)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị hiện có 05 thành viên gồm:

- Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch.
- Ông Bùi Hữu Cơ – Ủy viên chuyên trách.
- Ông Đỗ Trung Thành – Ủy viên.
- Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên.
- Ông Hoàng Trung Hưng – Ủy viên.

2. Hoạt động của HĐQT và của các thành viên HĐQT Công ty:

2.1. Hoạt động của HĐQT:

a. Chỉ đạo hoạt động SXKD:

Năm 2018 tiếp tục là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp ngành dầu khí nói riêng. Ngay từ đầu năm 2018, nhận thức sâu sắc những thuận lợi, khó khăn mà Công ty sẽ gặp phải, Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương phù hợp. Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp định kỳ và đột xuất; Đã tổ chức 11 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản về các nội dung thuộc thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vấn đề bất cập phát sinh, ban hành 27 nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai các hoạt động SXKD.

Các Nghị quyết/quyết định trong năm 2018 của HĐQT:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/NQ-VTDKĐD-HĐQT	14/3/2018	Họp thường kỳ Quý 1/2018
2	02/NQ-VTDKĐD-HĐQT	14/3/2018	Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022.
3	03/NQ-VTDKĐD-HĐQT	14/3/2018	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
4	04/NQ-VTDKĐD-HĐQT	17/4/2018	Các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
5	05/NQ-VTDKĐD-HĐQT	09/5/2018	Công tác nhân sự tại PTT
6	01/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	09/5/2018	Bổ nhiệm lại có thời KTT đối với ông Doãn Văn Chiến

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
7	06/NQ-VTDKĐD-HĐQT	15/5/2018	Phê duyệt Kế hoạch định biên lao động năm 2018 của Công ty.
8	07/NQ-VTDKĐD-HĐQT	16/5/2018	Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT Công ty.
9	08/NQ-VTDKĐD-HĐQT	08/6/2018	Phê duyệt chủ trương thanh lý đối với 07 xe ô tô thuộc đội xe VPCT tại Hà Nội
10	09/NQ-VTDKĐD-HĐQT	09/7/2018	Họp HĐQT thường kỳ Quý II/2019
11	02/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	09/7/2018	Kiện toàn cơ cấu tổ chức nhân sự Tiểu ban Nhân sự Tiền lương của HĐQT Công ty.
12	03/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	09/7/2018	Kiện toàn cơ cấu tổ chức nhân sự Tiểu ban Kinh tế - Kỹ thuật – Đầu tư của HĐQT Công ty.
13	10/NQ-VTDKĐD-HĐQT	09/7/2018	Công tác cán bộ
14	11/NQ-VTDKĐD-HĐQT	26/9/2018	Họp HĐQT Họp ngày 26/9//2019.
15	12/NQ-VTDKĐD-HĐQT	26/9/2018	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
16	13/NQ-VTDKĐD-HĐQT	26/9/2018	Thông qua bổ sung kế hoạch đầu tư XDCB và MSTTB năm 2018
17	14/NQ-VTDKĐD-HĐQT	26/9/2018	Thành lập “ Tổ thẩm định dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam”
18	15/NQ-VTDKĐD-HĐQT	25/10/2018	Thông qua bổ sung kế hoạch đầu tư XDCB và mua sắm TTB năm 2018
19	16/NQ-VTDKĐD-HĐQT	29/10/2018	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2018.
20	17/NQ-VTDKĐD-HĐQT	31/10/2018	Phê duyệt “Dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam”.
21	18/NQ-VTDKĐD-HĐQT	07/11/2018	Phê duyệt ký hợp đồng mua bán, việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hà Nội và việc thế chấp tài sản để thực hiện “Dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam”.
22	19/NQ-VTDKĐD-HĐQT	21/11/2018	Công tác cán bộ

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
23	20/NQ-VTDKĐD-HĐQT	30/11/2018	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch định biên lao động năm 2018 của Công ty.
24	21/NQ-VTDKĐD-HĐQT	30/11/2018	Chấp thuận sử dụng 02 xe ô tô văn phòng 16 chỗ hình thành từ dự án “Đầu tư 02 xe ô tô văn phòng 16 chỗ để thực hiện dự án “Đầu tư 02 xe ô tô văn phòng 16 chỗ” tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Tây Hà Nội.
25	22/NQ-VTDKĐD-HĐQT	30/11/2018	Chấp thuận sử dụng 01 xe tải cầu 10 tấn hình thành từ dự án “Đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn để thực hiện dự án “Đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn” tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Tây Hà Nội.
26	23/NQ-VTDKĐD-HĐQT	10/12/2018	Phê duyệt bán thanh lý 04 xe ô tô trong danh mục 07 xe ô tô thuộc Đội xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội trong diện chờ thanh lý
27	24/NQ-VTDKĐD-HĐQT	18/12/2018	Họp HĐQT thường kỳ Quý IV/2018

b. Kết quả đạt được:

• **Kết quả hoạt động SXKD:**

Năm 2018, các thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý điều hành. Thống nhất nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định các công việc một cách công khai, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Với sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty, năm 2018, Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	400,000	462,487	116
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	390,000	455,938	117
3	Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	10,000	6,550	65
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,000	4,886	61
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	10,700	9,329	87
6	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	57,845	54,734	95

Ghi chú (*): Nguyên nhân chỉ tiêu lợi nhuận không đạt kế hoạch: Trong Quý 4/2018 PVTrans PTT đã đầu tư mua 64 xe ô tô đã qua sử dụng và nhận chuyển nhượng quyền khai thác kinh

doanh hiện hữu 105 xe văn phòng đang cho thuê (gồm 64 xe mua theo dự án và 41 xe vệ tinh) của Công ty CP Dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long để mở rộng thị trường xe văn phòng cho thuê tại khu vực phía Nam. Để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững cho những năm tiếp theo Công ty đã thực hiện hạch toán toàn bộ giá trị hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác kinh doanh 3,6 tỷ đồng vào chi phí năm 2018 dẫn đến lợi nhuận không đạt kế hoạch.

• Công tác đầu tư:

- Kế hoạch đầu tư năm 2018 được ĐHCĐ thường niên 2018 thông qua, có một (01) dự án chuyển tiếp từ năm 2017: “Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý” với tổng mức đầu tư 2,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, do Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ xây dựng nên dự án này chưa hoàn thành trong năm 2018.

- Trong năm 2018, thực hiện ủy quyền của ĐHCĐ thường niên năm 2018, HĐQT đã phê duyệt bổ sung Kế hoạch đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị 02 lần với tổng mức đầu tư 02 dự án là 5,63 tỷ đồng, dự án đã được đưa vào khai thác tháng 01 và tháng 3/2019.

- ĐHCĐ bất thường năm 2018 thông qua bổ sung Kế hoạch đầu tư năm 2018: “Dự án Đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam, có tổng mức đầu tư 49,915 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác từ tháng 11/2018.

Chi tiết Kế hoạch-Thực hiện Đầu tư XDCB và Mua sắm trang thiết bị năm 2018 như sau:

TT	Dự án	Tổng mức đầu tư đã duyệt	Tổng mức đầu tư thực hiện	Thời gian đưa vào khai thác
1	Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý	2,300		
2	Dự án đầu tư 02 xe ô tô văn phòng 16 chỗ	2,030	1,724	Tháng 01/2019
3	Dự án đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn	3,600	3,500	Tháng 3/2019
4	Dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam	49,915	49,510	Tháng 11/2018
	Tổng cộng	57,845	54,734	

c. Công tác giám sát đối với Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý:

Trong năm 2018, HĐQT đã chỉ đạo các bộ phận tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD theo quy định gồm: báo cáo tình hình SXKD hàng tháng, hàng quý; Báo cáo tài chính quý, năm 2018, các báo cáo khác và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

HĐQT cũng tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành và các cuộc họp khác. Các ý kiến khuyến nghị của Ban Kiểm soát cũng được HĐQT xem xét cẩn trọng phát huy mặt tích cực và tìm giải pháp khắc phục tồn tại.

27
NG
Ô P
TÀI
ÔNG
GH

Năm 2018, HĐQT đánh giá Giám đốc Công ty đã nỗ lực và quyết liệt điều hành, tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT. Tuy nhiên, kết quả SXKD năm 2018 có chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt được theo kế hoạch ĐHCĐ giao.

2.2. Hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị:

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

1) Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Lãnh đạo chung, giám sát tất cả các hoạt động trong hệ thống của Công ty, triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
- Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để thực hiện, đề trình, đề báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Triệu tập, chủ trì và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.
- Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định và các nhiệm vụ khác của Hội đồng Quản trị.
- Thay mặt Hội đồng Quản trị tổ chức, chỉ đạo thực hiện quản lý nguồn vốn, thu xếp tài chính cho các dự án đầu tư.
- Chiến lược, định hướng phát triển công ty.
- Công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.
- Công tác tổ chức nhân sự.
- Thực hiện các công việc khác không phân công cho các thành viên Hội đồng Quản trị.

2) Ông Bùi Hữu Cơ – Ủy viên Hội đồng Quản trị chuyên trách.

- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Thường trực Hội đồng Quản trị, ký thay Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Theo dõi, chỉ đạo hoạt động Sản xuất kinh doanh của công ty.
- Phụ trách công tác kế hoạch
- Phụ trách công tác tài chính
- Phụ trách công tác đầu tư, thanh lý tài sản.
- Phụ trách công tác quản trị nội bộ Công ty, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Giám đốc và Ban Kiểm soát công ty.
- Phụ trách công tác định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong công ty.

- Theo dõi việc thực hiện các chỉ đạo của cổ đông PVTrans, nghị quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
 - Phụ trách công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.
 - Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 3) Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Công tác xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch Sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Chế độ tiền lương.
 - Công tác xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ.
 - Phát triển các dịch vụ, công việc của PVTrans tại Công ty.
 - Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 4) Ông Đỗ Trung Thành – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Kiểm soát dòng tiền, tính thanh khoản.
 - Các công việc liên quan đến thu xếp vốn đầu tư.
 - Kiểm soát công nợ.
 - Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
- 5) Ông Hoàng Trung Hưng – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Phụ trách công tác đào tạo.
 - Phát triển các dịch vụ, công việc của PVOil tại Công ty.
 - Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.

2.3. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị:

Năm 2018, Thù lao của HĐQT được trả theo mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua, cụ thể như sau:

- Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm được trả theo mức: Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng; Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Đối với thành viên HĐQT chuyên trách do Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương trả lương theo quy định của Công ty/Tổng Công ty/Nhà nước.

2.4. Quan hệ cổ đông:

Năm 2018, Công ty duy trì tốt công tác quan hệ với các cổ đông, tiếp xúc và cung cấp các thông tin cho cổ đông theo yêu cầu, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019:

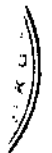
1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	380,000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,500
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,200
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,600
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	11,500

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2019:

- Hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua.
- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Duy trì ổn định, phát triển mở rộng hoạt động cho thuê xe văn phòng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành.
- Duy trì ổn định hoạt động vận chuyển CNG đảm bảo là lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả tốt của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác khai thác kinh doanh với các khách hàng để tối đa hóa khả năng sử dụng đội xe đầu kéo.
- Nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, chủ động nguồn hàng, triển khai hiệu quả công tác vận chuyển hàng hóa nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Tìm kiếm và phát triển mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh mới.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí marketing, chi phí quản lý kỹ thuật trong các hoạt động SXKD.
- Chú trọng đến công tác nhân sự, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

- Tăng cường công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chi phí đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Thực hiện và tuân thủ các quy định trong công tác SXKD và quản lý điều hành. Liên tục hoàn thiện các quy trình, quy chế, hệ thống định mức phù hợp với yêu cầu SXKD của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.
- Luôn quan tâm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông. Duy trì chế độ họp theo quy định của Điều lệ Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

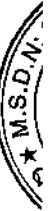
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 02:

(Đính kèm Biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKDD-ĐHĐCD ngày 11/4/2019)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH.

1. Khó khăn:

Năm 2018 tiếp tục là giai đoạn đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp ngành dầu khí nói riêng. Trong tình hình chung đó, Công ty Đông Dương không tránh khỏi những vấn đề phát sinh ảnh hưởng, tác động lớn đến hoạt động SXKD của mình.

- Ngay từ đầu năm 2018 hợp đồng vận chuyển CNG với PVGas North bị chấm dứt trước thời hạn do Công ty không thu xếp được thiết bị chuyên dụng. Trong 4 tháng cuối năm, các khách hàng lớn của CNG Việt Nam như các nhà máy SX thép, gốm sứ, thiết bị điện tử... đều cắt giảm công suất sản xuất, là nguyên nhân chính dẫn tới việc sản lượng CNG tiêu thụ giảm tương ứng từ 50% đến 52% so với các tháng cùng kỳ năm trước, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động vận chuyển CNG của Công ty.

- Giá bán lẻ xăng dầu trong năm tăng mạnh từ 10% đến 15% so với đầu năm đã tác động lớn đến hoạt động SXKD của Công ty, làm tăng giá thành vận tải từ 3% đến 5% so với cùng kỳ năm 2017, trong khi giá cung cấp dịch vụ không những không tăng được mà còn phải giảm để có thể cạnh tranh được với thị trường.

- Với thị phần chính là khách hàng trong ngành dầu khí, tần suất khai thác cả xe định hạn và xe chuyên đều bị sụt giảm do các đơn vị đều phải cắt giảm chi phí đi lại, hội nghị..., các khoản phụ thu phát sinh vượt km, thêm giờ, ngoài giờ ... đều giảm mạnh so với cùng kỳ các năm trước.

- Kế hoạch cung cấp đá vôi, đầu tư khu vực neo đậu tàu thuyền vào cảng nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý không thực hiện được do công tác xây dựng Nhà máy bị kéo dài, chậm tiến độ.

2. Thuận lợi:

- Mặc dù trong bối cảnh khó khăn chung nhưng trong năm 2018 Công ty đã và đang tiếp tục nhận được quan tâm, chia sẻ, hỗ trợ của Tập đoàn và các đơn vị trong ngành, đặc biệt phải nói đến sự quan tâm, giúp đỡ của Tổng Công ty PVTrans và các đơn vị thành viên của PVTrans. Đây là một trong những nguyên nhân chính giúp Công ty hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch năm 2018.

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD và các Ban chức năng của PVTrans đã trực tiếp chỉ đạo, hỗ trợ Công ty Đông Dương về mọi mặt từ công tác tái cấu trúc, tổ chức kinh doanh đến quản trị doanh nghiệp.

- HĐQT Công ty luôn sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành, hỗ trợ Ban lãnh đạo giải quyết những vướng mắc trong hoạt động SXKD.

- Trong quý IV, được sự quan tâm hỗ trợ của TCT PVTrans, Công ty đã hoàn thành dự án đầu tư thêm 64 xe vận phòng, tiếp nhận chuyển giao toàn bộ các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe vận phòng từ Công ty Cửu Long với số lượng xe cung cấp đi kèm là 105 xe, mở rộng được thị trường phía Nam với số lượng phương tiện và khách hàng sử dụng dịch vụ tăng gấp hai lần so với cùng kỳ năm 2017.

- Đội ngũ, cán bộ nhân viên Công ty đoàn kết, có trách nhiệm cao, tâm huyết với công việc, nỗ lực vì mục tiêu phát triển Công ty.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018.

1. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu	400,000	462,487	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	10,000	6,550	65%
3	Nộp ngân sách	10,700	9,329	87%

(Bảng số liệu chi tiết từng lĩnh vực kèm theo)

Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu về lợi nhuận:

Trong Quý 4/2018 PVTrans PTT đã đầu tư mua 64 xe ô tô đã qua sử dụng và nhận chuyển nhượng quyền khai thác kinh doanh hiện hữu 105 xe văn phòng đang cho thuê (gồm 64 xe mua theo dự án và 41 xe vệ tinh) của Công ty CP Dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long để mở rộng thị trường xe văn phòng cho thuê tại khu vực phía Nam. Để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững cho những năm tiếp theo Công ty đã thực hiện hạch toán toàn bộ giá trị hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác kinh doanh 3,6 tỷ đồng vào chi phí năm 2018 dẫn đến lợi nhuận không đạt kế hoạch.

2. Đánh giá kết quả các lĩnh vực kinh doanh chính:

a) Vận tải CNG

Trong năm 2018, hoạt động vận tải CNG tiếp tục khai thác các hợp đồng vận chuyển CNG bằng đầu kéo ở phía Bắc cho các khách hàng của CNG Việt Nam - Chi nhánh miền Bắc và bằng bồn ở phía Nam cho Công ty CNG Việt Nam thuê.

- ❖ Doanh thu đạt 45,493 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch năm.
- ❖ Lợi nhuận gộp đạt 12,663 tỷ đồng, bằng 83% kế hoạch năm.
- ❖ Nguyên nhân không đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận:

- Do từ tháng 9/2018, CNG Việt Nam giảm sản lượng cung cấp cho các khách hàng khoảng 50% - 52% sản lượng so với kế hoạch.

- Từ ngày 04/10/2018 khối lượng vận chuyển năm đạt 20 triệu Sm³. Do đó đơn giá vận chuyển bằng đầu kéo giảm 1,000 đ/km theo phụ lục 09 của hợp đồng vận chuyển số 15/2018/HĐKT/CNGNORTH-ĐD.

- Trong kế hoạch xây dựng có vận tải CNG cho PVGas North bằng vệ tinh tuy nhiên thực tế hợp đồng đã chấm dứt trước thời hạn từ 01/02/2018.

b) Vận tải xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội:

- Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ xe định hạn và xe chuyển với các đơn vị khác trong Tập đoàn. Tổng số xe khai thác đến 31/12/2018 là 33 xe gồm 18 xe định hạn (14 xe Công ty và 04 xe vệ tinh) và 15 xe chuyển (xe công ty). Doanh thu năm 2018 đạt 15,202 tỷ đồng (tương đương 88% KH năm).

- Lợi nhuận gộp 1,460 triệu, bằng 66% kế hoạch năm.

- Nguyên nhân không đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận: do tần suất khai thác xe chuyển bị sụt giảm so với cùng kỳ năm trước, chi phí nhiên liệu tăng trong khi Công ty phải điều chỉnh giảm đơn giá vận chuyển để cạnh tranh được với thị trường.

c) Vận tải xe văn phòng cho thuê tại Hồ Chí Minh:

- Năm 2018 Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp xe văn phòng cho thuê với các đơn vị trong Tổng Công ty PVGas, PVTrans, PVGas D đã ký. Vào quý 4/2018 Công ty đã đầu

tư thêm 64 xe, thuê bổ sung 41 xe vệ tinh để cung cấp cho thị trường phía Nam từ 01/11/2018, nâng tổng số xe khai thác đến 31/12/2018 là 236 xe, trong đó 113 xe Công ty đầu tư và 123 xe thuê vệ tinh.

- Doanh thu năm 2018 đạt 100,677 tỷ đồng đạt 139% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận gộp đạt 4,633 tỷ đồng đạt 92% kế hoạch năm.
- Nguyên nhân không đạt kế hoạch về lợi nhuận: Do Công ty đã phân bổ toàn bộ chi phí chuyển nhượng quyền khai thác kinh doanh 105 xe văn phòng với giá trị 3,6 tỷ đồng vào năm 2018.

d) Kinh doanh vận tải đá vôi:

Trong Quý I/2018 Công ty tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng vận tải đá vôi cho Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 với sản lượng 3.800 tấn, doanh thu thực hiện là 432 triệu tương đương 3% kế hoạch năm. Kế hoạch cung cấp đá vôi cho các nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 và Thái Bình 2 không thực hiện được do cạnh tranh về giá thầu và tiến độ xây dựng nhà máy bị chậm tiến độ. Từ Quý 2/2018 đến hết năm 2018 không phát sinh doanh thu từ hoạt động này.

e) Lĩnh vực kinh doanh thương mại (mua bán LPG và các sản phẩm dầu mỏ):

Doanh thu đạt 297,695 tỷ đồng, bằng 180% kế hoạch năm. Trong đó doanh thu từ kinh doanh mua bán LPG là 20,866 tỷ đồng và từ kinh doanh mua bán ethanol là 276,829 tỷ đồng.

3. Công tác tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

Trong năm 2018, Công ty vẫn đang tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh hiện nay (xe văn phòng cho thuê, vận tải CNG, ...) và duy trì mô hình hoạt động gồm: 04 phòng chức năng và 02 Chi nhánh (tại Thái Bình và thành phố Hồ Chí Minh). Đồng thời, Công ty tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc bộ máy văn phòng của Công ty cắt giảm lao động gián tiếp bằng nhân sự trực tiếp, thúc đẩy nâng cao hiệu quả, tăng năng suất lao động.

4. Công tác đầu tư.

Trong năm 2018, Công ty đã triển khai thực hiện 04 dự án gồm 01 dự án chuyển tiếp từ năm 2017 và 03 dự án đầu tư mới, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư thực hiện	Thời gian đưa vào khai thác
1	Dự án đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam	49,915	49,510	Tháng 11/2018
2	Dự án đầu tư 02 xe văn phòng 16 chỗ	2,03	1,724	Tháng 01/2019
3	Dự án đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn	3,60	3,500	Tháng 3/2019
4	Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý	2,30		Tạm dừng đầu tư
	Tổng cộng	57,845	54,734	

- Dự án đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn: Đến ngày 31/12/2018 Công ty đã hoàn thành công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp xe và ký kết hợp đồng mua xe với nhà thầu trúng thầu. Cuối tháng 02/2019 Công ty đã nhận xe, hoàn thành các thủ tục đăng ký, đăng kiểm xe, bàn giao xe cho khách hàng khai thác bắt đầu từ 01/03/2019. Tổng mức đầu tư thực hiện của dự án là 3,5 tỷ đồng.

- Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý: nhận thấy công tác xây dựng của Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 bị chậm tiến độ, Công

ty đã chủ động giảm tiến độ triển khai dự án phù hợp tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án.

Các dự án được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, quy định về đầu tư của Nhà nước, Tổng Công ty và Công ty. Các dự án hoàn thành dự kiến đều mang lại hiệu quả, góp phần củng cố và mở rộng thị trường cho thuê xe của Công ty tại khu vực phía Nam.

5. Công tác đào tạo, lao động tiền lương.

a) Công tác đào tạo:

Trong năm 2018, Công ty triển khai thực hiện cử 126 cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ do Tập đoàn, Tổng Công ty và các đơn vị khác tổ chức với số tiền là 1,057 tỷ đồng và 07 người tham gia các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho học viên lớp đối tượng kết nạp và lớp Đảng viên mới

b) Công tác lao động:

Số lao động tại thời điểm 31/12/2018 là 282 người, trong đó:

Khối trực tiếp SXKD:

Lĩnh vực/đơn vị	NV Điều hành	CN Lái xe
- Đội xe Văn phòng cho thuê:	02 người	22 người
- Chi nhánh Thái Bình:	06 người	-
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:	11 người	220 người
- Tổ dự án vận tải đá vôi :	01 người	-
Cộng:	20 người	242 người

Khối lao động gián tiếp gồm 19 người.

- Ban Giám đốc: 02 người, gồm GD và 1 PGD;
- Trưởng/phó phòng chức năng: 07 người (03 TP + 04 PP);
- Nhân viên văn phòng: 10 người.

Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT chuyên trách): 01 người

c) Công tác tiền lương:

Công tác chi trả lương cho CBCNV, người lao động luôn đảm bảo tiến độ trước ngày mùng 10 hàng tháng. Trong năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện công tác đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành công việc định kỳ hàng tháng để làm cơ sở chi trả lương cho khối lao động gián tiếp. Năm 2018, thu nhập bình quân 12 triệu đồng/người/tháng.

6. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các đoàn thể.

Năm 2018 chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị trong Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động hoạt động an sinh xã hội, đền ơn, đáp nghĩa, tương thân, tương ái và các hoạt động chăm lo đời sống cho CBCNV Công ty với số tiền 170 triệu đồng. Tổng số tiền ủng hộ các quỹ (Quỹ tương trợ đầu khí, Quỹ hoạt động của Đoàn thanh niên và Cựu chiến binh, Quỹ vì Phụ nữ khó khăn và Ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung) là: 230 triệu đồng.

Các phong trào đoàn thể tại Công ty góp phần tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động hăng say, tích cực lao động.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2018 Công ty đã đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người và tài sản trong mọi hoạt động SXKD. Công ty đã đạt chỉ tiêu về doanh thu, còn chỉ tiêu về lợi nhuận chưa hoàn thành.

- Công tác tổ chức quản lý, quản trị trong từng lĩnh vực kinh doanh tiếp tục có những điều chỉnh phù hợp, chuyển biến tích cực hơn so với những năm trước. Thị phần của lĩnh vực cho thuê xe văn phòng tại phía Nam được gia tăng và ổn định; Bộ máy quản lý điều hành được kiện toàn, sắp xếp lại theo nguyên tắc tinh giản bộ máy gián tiếp, tiết kiệm chi phí hành chính, nâng cao năng lực sản xuất trực tiếp. Các quy định, quy chế được rà soát, cập nhật, bổ sung, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty

- Công ty luôn chấp hành quy định của pháp luật và thực hiện đúng các văn bản nội bộ của đơn vị quy định trong việc thực hiện công tác huy động, quản lý và sử dụng vốn tại Công ty. Hiệu quả sử dụng vốn của Công ty đều đảm bảo yêu cầu, vốn chủ sở hữu cuối năm 2018 bằng 104% so với đầu năm 2018 (tăng 4%), tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2018 đạt 6,5%.

- Tình hình tài chính và công nợ phải thu đã được quản lý chặt chẽ, không có khoản công nợ khó đòi mới phát sinh. Các khoản công nợ phải trả được kiểm soát và quản lý chặt chẽ, Công ty tận dụng tốt dòng tiền trong kinh doanh để có lợi nhất cho Công ty, không để tình trạng phản hồi xấu của khách hàng. Các khoản nợ phải trả nhà nước được thanh toán đầy đủ.

Mặc dù kết quả đạt được còn rất khiêm tốn nhưng đó là sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty Đông Dương, sự quyết tâm, trách nhiệm của Ban lãnh đạo. Kết quả đạt được còn nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty PV Trans, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty. Trước mắt Công ty Đông Dương vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức, rất nhiều những việc phải làm trong năm 2019 và các năm tiếp theo. Tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động trong Công ty tiếp tục đoàn kết phát huy những kết quả đã đạt được và thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

B. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Trên cơ sở nguồn lực tài sản hiện có của Công ty cùng với các vấn đề tồn tại đã được giải quyết, công tác nhân sự được kiện toàn, nguồn lực tài chính tăng dần là những tiền đề để Công ty Đông Dương xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Duy trì ổn định, phát triển mở rộng hoạt động cho thuê xe văn phòng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành.

- Phát triển thị trường vận chuyển CNG nhằm trở thành một trong những lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả tốt của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác khai thác kinh doanh với các khách hàng để tối đa hóa khả năng sử dụng đội xe đầu kéo.

- Nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, chủ động nguồn hàng, triển khai hiệu quả công tác vận chuyển hàng hóa nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị.

- Chủ động tính toán tiếp tục triển khai thực hiện dự án đầu tư bến neo đậu tàu vào cảng các nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tiến độ của nhà máy, hiệu quả của dự án.

- Phát triển mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các nhiệm vụ mới khi được Tổng Công ty và HĐQT Công ty giao.

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí marketing, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động SXKD.

- Chú trọng đến công tác nhân sự, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

- Tăng cường công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chi phí đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.

- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn, Tổng Công ty phát động.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 (Phụ biểu chi tiết đính kèm)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	380.000
2	Lợi nhuận trước thuế	nt	11.500
3	Lợi nhuận sau thuế	nt	9.200
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	nt	9.600

Trong đó kế hoạch các lĩnh vực kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

a. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển CNG:

Tổ chức vận chuyển an toàn cho các khách hàng theo hợp đồng đã ký, cụ thể:

- Khai thác ổn định 06 bồn composite 40ft tại thị trường phía Nam với doanh thu 14,943 tỷ đồng/năm.

- Vận chuyển cho CNG Việt Nam: Tổng km vận doanh trên 0,78 triệu km/ năm với sản lượng vận chuyển đạt 20 triệu Sm³/năm. Doanh thu vận tải CNG từ đầu kéo là 21,148 tỷ đồng.

b. Kinh doanh xe văn phòng cho thuê:

- Theo kế hoạch, thời điểm đầu năm 2019 số xe tại các thị trường dự kiến như sau:

TT	Thị trường	Số lượng xe	Doanh thu (Tỷ đồng)	Lợi nhuận gộp (Tỷ đồng)
1	Hà Nội	29 xe (25 xe Công ty và 04 xe vệ tinh)	15,712	1,544
2	Tp. Hồ Chí Minh	234 xe (114 xe Công ty và 120 xe vệ tinh)	134,099	12,000

c. Vận tải than:

Năm 2019 để thực hiện dịch vụ vận tải than Công ty dự kiến sẽ thuê 02 tàu vệ tinh 2.000 DWT, tần suất khai thác 24 chuyến/ năm, với đơn giá 80.000 đ/tấn.

- Kế hoạch doanh thu: 7,680 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp: 104 triệu đồng/năm.

d. Kinh doanh và vận tải đá vôi :

- Sản lượng đá vôi mua bán và vận chuyển: 80.000 tấn/năm, đơn giá 200.000 đ/tấn.

- Kế hoạch doanh thu: 16 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp: 104 triệu/năm.

e. Kinh doanh bến neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý.

- Kế hoạch khai thác bến neo đậu trong năm 2019 là 08 sà lan 2000DTW/ngày, doanh thu 1,094 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp: 98 triệu/ năm.

f. Kinh doanh thương mại:

- Kế hoạch doanh thu từ hoạt động thương mại năm 2019 là 166,170 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp: 54 triệu/ năm.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2019

Theo Hợp đồng 165 ký với PVGas thì trong năm 2019 sẽ có 10 xe văn phòng đến kỳ cần thay thế, trên cơ sở đánh giá các phương án giữa đầu tư và thuê vệ tinh, nhận thấy việc đầu tư mang lại hiệu quả cao hơn, Công ty dự kiến sẽ đầu tư mới 10 xe văn phòng để tiếp tục dịch vụ đã ký kết, 10 xe cũ Công ty sẽ thực hiện thanh lý. Căn cứ nguồn lực tài chính hiện có và kế

hoạch thu xếp vốn đầu tư, với tổng mức đầu tư 10 xe văn phòng dự kiến là 11,5 tỷ đồng Công ty sẽ sử dụng 100% vốn chủ sở hữu.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Giải pháp trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

a. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển CNG:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành hoạt động vận chuyển CNG phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được yêu cầu quản lý ở từng giai đoạn.
- Phối hợp chặt chẽ với PVGasS, CNG trong việc tổ chức điều độ, vận chuyển, giao nhận hàng hóa ... đảm bảo tuân thủ tuyệt đối quy trình vận hành của các bên, kiểm soát tốt nhất các nguy cơ rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển.
- Kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nhiên liệu; thực hiện công tác kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thường xuyên và định kỳ đúng quy trình.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với Sở Giao thông, Sở Công an các địa phương nhằm đảm bảo luôn có giải pháp tốt nhất trong việc xử lý các sự cố phát sinh.

b. Kinh doanh xe văn phòng cho thuê

- Tiếp tục khai thác an toàn và hiệu quả các hợp đồng đã ký kết với khách hàng. Tiếp tục phát triển mở rộng thị trường xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội.
- Bám sát kế hoạch của các đơn vị trong ngành để thực hiện công tác marketing, phát triển cả số xe định hạn và số lượt xe chuyển. Chủ động xây dựng kế hoạch vận chuyển cho từng khách hàng trong cả năm nhằm mục tiêu ký kết được các hợp đồng vận chuyển trọn gói dài hạn.
- Thực hiện đầu tư phương tiện cho thuê theo nhu cầu của khách hàng và đầu tư để thay thế các xe định hạn đang cho thuê sau nhiều năm khai thác, điều chuyển các xe thay thế phát triển mở rộng dịch vụ xe chuyển.
- Hoàn thiện chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp: Xây dựng đơn giá cạnh tranh, hoàn thiện chất lượng dịch vụ xe văn phòng cho thuê trong cách thức quản lý, điều vận phương tiện và đặc biệt là tác phong phục vụ của lái xe.
- Tăng cường kiểm soát chi phí bảo dưỡng sửa chữa phương tiện, rà soát và điều chỉnh định mức tiêu hao nhiên liệu.

c) Kinh doanh vận chuyển than và đá vôi

- Chủ động nghiên cứu thị trường, bám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban QLDA Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1, 2 để sẵn sàng nguồn lực cho dự án, đảm bảo trúng thầu các gói thầu cung cấp/ vận chuyển than, đá vôi cho các Nhà máy này
- Tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực để sẵn sàng bố trí khi dự án đi vào hoạt động.

d) Kinh doanh thương mại

- Tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát công tác bán hàng, kiểm soát chặt chẽ công nợ khách hàng với mục tiêu đảm bảo an toàn tuyệt đối nguồn vốn kinh doanh.

2. Giải pháp trong công tác dự báo, phát triển thị trường.

- Chú trọng thực hiện và phát huy tốt hơn nữa công tác dự báo thị trường.
- Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng hiện có, chủ động xây dựng các cơ chế mở trong hợp tác kinh doanh để phát triển thêm khách hàng ở các lĩnh vực trên nguyên tắc hài hòa về lợi ích.
- Phối hợp chặt chẽ với PVGasS, CNG Việt Nam trong việc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho khách hàng, tạo các mối liên kết chặt chẽ, đảm bảo cho sự ổn định dài hạn trong hoạt động cung ứng dịch vụ vận chuyển CNG.
- Bám sát Ban Kinh doanh Tổng Công ty và phối hợp với PVTrans Hà Nội, phối hợp chặt chẽ và bám sát kế hoạch sản xuất của các Nhà máy nhiệt điện Thái Bình để hoàn thành công tác khảo sát, đầu tư và tổ chức cung ứng dịch vụ vận chuyển than cho các nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1, 2 theo kế hoạch được giao.

3. Giải pháp về tổ chức, quản lý.

- Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro trên toàn bộ các lĩnh vực, từ quản lý điều hành đến sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy điều hành phù hợp với kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty ở từng giai đoạn.
- Rà soát, tinh giản nhân sự ở các bộ phận gián tiếp, tổ chức lại bộ máy tại các đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện tốt nhất mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.
- Từng bước tuyển dụng nhân sự mới cho các lĩnh vực mới, bao gồm cả bộ phận gián tiếp và trực tiếp, hoàn thiện các cơ chế quản lý, quản trị, từng bước chuyển đổi mô hình quản lý điều hành như hiện nay sang mô hình khoán quản, tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018		Tỷ lệ so sánh (%)
			Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	400,000	462,487	116%
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	233,500	161,804	69%
1.1	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	91,200	45,493	50%
-	<i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>91,200</i>	<i>45,493</i>	50%
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi		13,300	432	3%
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	129,000	115,879	90%
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>17,200</i>	<i>15,202</i>	88%
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>72,400</i>	<i>100,677</i>	139%
-	<i>Mở rộng thị trường xe vận phòng cho thuê</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>39,400</i>		0%
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	165,100	297,695	180%
3	Dịch vụ khác	Tr.đồng	1,400	124	
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	-	489	
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	-	2,376	
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	390,000	455,938	117%
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	371,700	441,089	119%
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	206,600	143,036	69%
-	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	76,000	32,830	43%
	+ <i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>76,000</i>	<i>32,830</i>	43%
-	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	12,600	421	3%
-	Vận tải khác	Tr.đồng	118,000	109,785	93%
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>14,980</i>	<i>13,741</i>	92%
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>67,360</i>	<i>96,044</i>	143%
	+ <i>Mở rộng thị trường xe vận phòng cho thuê</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>35,660</i>		0%
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	165,100	297,641	180%
1.3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	-	413	
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	6,000	2,703	45%
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	-		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	12,300	10,528	86%
5	Chi phí khác	Tr.đồng	-	1,618	
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10,000	6,550	65%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8,000	4,886	61%
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	10,700	9,329	87%

HÀNG HIỆU

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019				
			Kế hoạch				
			Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	380,000	93,654	94,338	95,999	96,009
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	209,582	51,840	52,520	52,475	52,747
1.1	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	36,091	8,468	9,147	9,102	9,374
-	<i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>36,091</i>	<i>8,468</i>	<i>9,147</i>	<i>9,102</i>	<i>9,374</i>
1.2	Vận tải than		7,680	1,920	1,920	1,920	1,920
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi		16,000	4,000	4,000	4,000	4,000
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	149,811	37,452	37,453	37,453	37,453
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>15,712</i>	<i>3,928</i>	<i>3,928</i>	<i>3,928</i>	<i>3,928</i>
-	<i>Xe vận phòng cho thuê tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>134,099</i>	<i>33,524</i>	<i>33,525</i>	<i>33,525</i>	<i>33,525</i>
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	166,170	41,540	41,545	41,540	41,545
3	Dịch vụ khác	Tr.đồng	1,094	274	273	274	273
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng					
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	3,154			1,710	1,444
II	Tổng chi phí	Tr.đồng	368,500	91,893	92,256	92,178	92,173
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	354,104	88,277	88,603	88,643	88,581
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	186,992	46,499	46,825	46,865	46,803
-	Vận tải sản phẩm khí	Tr.đồng	27,252	6,564	6,890	6,930	6,868
	+ <i>Vận tải CNG</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>27,252</i>	<i>6,564</i>	<i>6,890</i>	<i>6,930</i>	<i>6,868</i>
-	Vận tải than		7,576	1,894	1,894	1,894	1,894
-	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	15,896	3,974	3,974	3,974	3,974
-	Vận tải khác	Tr.đồng	136,268	34,067	34,067	34,067	34,067
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>14,168</i>	<i>3,542</i>	<i>3,542</i>	<i>3,542</i>	<i>3,542</i>
	+ <i>Vận tải xe vận phòng tại HCM</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>122,100</i>	<i>30,525</i>	<i>30,525</i>	<i>30,525</i>	<i>30,525</i>
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	166,116	41,529	41,529	41,529	41,529
1.3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	996	249	249	249	249
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	4,976	1,346	1,298	1,200	1,132
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	9,420	2,270	2,355	2,335	2,460
5	Chi phí khác	Tr.đồng					
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11,500	1,761	2,082	3,821	3,836
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	9,200	1,409	1,666	3,057	3,069
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	9,600	1,930	1,988	2,842	2,840

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

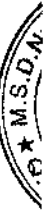
Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	C	1	2	3	7	8	9	10
	Tổng cộng (=A+B)	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
A	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
I	Dự án nhóm A								
II	Dự án nhóm B								
III	Dự án nhóm C	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	
2	Dự án khởi công mới *	Tỷ đồng							
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
	Đầu tư xe vận phòng cho thuê (10 xe)	Tỷ đồng	11.50	11.50	0.00	11.50	11.50	0.00	
B	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	





*(Đính kèm Biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKĐD-DHĐCĐ ngày 11/4/2019)*

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT**



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Các hoạt động của BKS năm 2018

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 được bầu tại đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/04/2017 gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Thế Dân (Trưởng BKS kiêm nhiệm) có nội dung công việc: Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên BKS. Các nội dung thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán và hiệu quả SXKD, Công tác đầu tư. Lập Báo cáo Giám sát sau khi tổng hợp các ý kiến của các thành viên BKS.
- Ông Trần Minh Tuấn (TV BKS kiêm nhiệm) miễn nhiệm ngày 20/04/2018.
- Bà Lê Thị Hải Yến (TV BKS kiêm nhiệm) bổ nhiệm ngày 20/04/2018, có nội dung công việc: Công tác nhân sự, Công tác chi trả thu nhập và chế độ chính sách đối với Người lao động. Công tác phát triển nguồn nhân lực.
- Ông Phan Xuân Sơn (TV BKS kiêm nhiệm) có nội dung công việc: Công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp. Việc chấp hành các Quy chế, quy định và quy trình của Công ty.

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2018.

Ban Kiểm soát tập trung vào thực hiện kiểm soát các nội dung đã quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS, chưa tiến hành được các kiểm soát chuyên đề.

- Giám sát hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty PVTrans-PTT.
- Tham gia 100% các buổi họp của HĐQT về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đánh giá tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ và các yêu cầu của tổ chức kiểm toán độc lập.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- BKS đã tiến hành kiểm soát độc lập hoạt động của Công ty. Bao gồm:
 - + Chấp hành và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
 - + Quy trình, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
 - + Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018.

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu trong BCTC kiểm toán năm 2018 được đưa ra trong

Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực, khách quan tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty.

II. Kết quả hoạt động của Công ty

1. Đánh giá tình hình thực hiện doanh số và quản lý chi phí

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	459,62	518,80	88,59%
Giá vốn	441,09	494,31	89,23%
Lãi gộp	18,53	24,49	75,66%
Doanh thu TC	0,49	0,15	
Chi phí tài chính	2,70	4,88	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>2,70</i>	<i>4,88</i>	
Chi phí bán hàng	-	0,61	
Chi phí quản lý	10,53	11,45	91,96%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5,79	7,69	75,29%
Lợi nhuận trước thuế	6,55	7,39	88,63%
Lợi nhuận sau thuế	4,89	5,48	89,23%

Kết quả kinh doanh năm 2018 Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã trình Đại hội Đồng cổ đông (nếu loại trừ các yếu tố điều chỉnh để giúp cho tình hình tài chính của Công ty được lành mạnh hơn).

- Doanh thu năm 2018 giảm so với năm 2017, tỉ lệ giảm 12%. Chủ yếu do Công ty giảm kinh doanh loại hình thương mại vì có hiệu quả không đáng kể.
- Chi phí quản lý giảm 8% so với năm 2017 tương ứng với việc giảm doanh thu so với năm trước, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty cũng cần duy trì các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD.

2. Phân tích các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Đánh giá
I. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lãi gộp/ Doanh thu	4,03%	4,72%	Năm 2018 DT & GV đều giảm với tỷ lệ gần tương ứng, vì vậy dẫn đến các chỉ số tỉ suất lợi nhuận/ doanh thu năm 2018 ít biến động so với năm 2017.
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	1,43%	1,42%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	1,06%	1,05%	
II. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành (lần)	1,42	1,49	Hệ số thanh toán năm 2018 giảm so với năm 2017, nhưng đều lớn hơn 1 chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty vẫn trong tình trạng tốt và an toàn.
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,41	1,48	
III Khả năng hoàn vốn			

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Đánh giá
ROA (tỷ lệ hoàn vốn/ Tổng TS bình quân)	2,60%	2,92%	Do lợi nhuận sau thuế năm 2018 giảm dẫn đến các tỷ lệ khả năng hoàn vốn đều giảm so với năm 2017.
ROE (tỷ lệ hoàn vốn/ Vốn CSH bình quân)	4,50%	5,16%	
IV Hệ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay phải thu Khách hàng	11,07	9,81	Vòng quay phải thu khách hàng tăng chứng tỏ công ty thu hồi nợ tương đối tốt.
Số ngày công nợ phải thu	32	36	
IV Các chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ (Nợ phải trả/ Vốn CSH)	0,72	0,75	Hệ số năm 2018 giảm so với năm 2017, tuy nhiên biên độ giảm không đáng kể, cho thấy khả năng tài chính của Công ty vẫn ổn định và đang tốt dần lên.
Hệ số tự tài trợ (Vốn CSH/ Tổng tài sản)	0,59	0,57	Hệ số tự tài trợ năm 2018 tăng so với năm 2017. Nhưng tăng không nhiều cho thấy độ rủi ro về tài chính của Công ty vẫn đang được kiểm soát.

III. Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

- HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Ban KS đánh giá trách nhiệm của các TV HĐQT rất cao và tinh thần đoàn kết thống nhất trong việc phân công và chịu trách nhiệm ở các vị trí then chốt của Công ty.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Định kỳ ít nhất một quý một lần HĐQT đã duy trì đều đặn họp HĐQT, HĐQT đã kịp thời đánh giá hoạt động của Công ty, ban hành các nghị quyết thuộc thẩm quyền để giải quyết các đề xuất của các TV HĐQT và Ban GD. Các thành viên HĐQT hoạt động theo các nhiệm vụ được phân công cũng như hoạt động chung của HĐQT.
- HĐQT đã tiến hành phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2018 và giám sát thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch trong bối cảnh thực tế năm 2018 có nhiều khó khăn từ thị trường vận tải xe văn phòng, việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cho thấy có rất nhiều cố gắng.
- Ban Kiểm soát đánh giá cao HĐQT đã chủ động kiểm soát chi phí và nguồn nhân lực.
- Ban Kiểm soát nhận thấy các nghị quyết của HĐQT thường được ban hành và triển khai rất nhanh và có sự giám sát thực hiện. HĐQT đã đưa ra được quyết sách chiến lược để xây dựng và phát triển Công ty đảm bảo cho sự phát triển bền vững, mang lại giá trị Công ty cao.
- Ban Kiểm soát mong rằng HĐQT sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng quản lý tài chính; tăng cường triển khai giám sát nội bộ. Về tổ chức HĐQT, cần có sự phân công rành mạch hơn cho từng thành viên và giám sát việc thực hiện

nhệm vụ được phân công nhằm huy động sự đóng góp ý tưởng công sức của các TV HĐQT.

IV. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Năm 2018 tuy có nhiều sự khó khăn về điều kiện kinh doanh nhưng nhịp độ kinh doanh vẫn được duy trì và tăng trưởng. Ban GD đã nỗ lực điều hành sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.
- Năm 2018 là năm có sự biến động về nhân lực. Tuy nhiên Ban Giám đốc đã nhanh chóng tổ chức lại bộ máy cũng như điều chỉnh kịp thời về nhân lực đảm bảo hoạt động của Công ty được bình thường. Ban GD cũng nỗ lực tìm kiếm nhân sự chất lượng cao, triển khai các biện pháp quản lý luân chuyển cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì môi trường làm việc giữ vững văn hóa Công ty, thực hiện các chính sách người lao động cũng như duy trì các hoạt động đoàn thể.
- Ban GD đã tiến hành tìm kiếm cơ hội kinh doanh, phát triển đội xe, nhằm đáp ứng thị trường trong giai đoạn sau, đặc biệt bắt nhịp với nhu cầu của thị trường thuê xe văn phòng trong nội bộ ngành dầu khí.
- Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả cao và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

V. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành

- Trong năm 2018 sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được thực hiện tốt.
- HĐQT và BGD cũng như các Phòng Ban chuyên môn của Công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ rất nhiều cho Ban kiểm soát để BKS có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

VI. Kế hoạch hoạt động năm 2019 của BKS

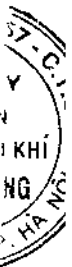
- Họp Ban kiểm soát 4 lần/năm vào ngày 15 của tháng đầu tiên của Quý;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện theo nghị quyết của HĐQT và Ban điều hành Công ty;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý và kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành Công ty;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán và các Cơ quan thanh kiểm tra (nếu có).
- Tiến hành kiểm soát chuyên đề hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

VII. Kết luận và kiến nghị

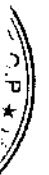
Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2018, Ban Kiểm soát Công ty Đông Dương nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ luật pháp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Những Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều căn cứ theo thẩm quyền và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban Giám đốc điều hành thực hiện đúng Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, chấp hành theo đúng pháp luật.

Trong năm 2019, BKS kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành như sau:

- Triển khai thực hiện các phương án kinh doanh thật sát với thực tế để có đủ nguồn lực phù hợp thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2019;



- Có các phương án và giải pháp kinh doanh có hiệu quả các phương tiện đã cũ, thời gian sử dụng lâu để đảm bảo phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý, quản trị để không ngừng nâng cao giá trị Công ty và tối đa hóa lợi ích của cổ đông.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 04:
(Đính kèm Biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương, số 01/BBH-VTDKDD-ĐHĐCD ngày 11/4/2019)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
BỞI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ ĐỒNG DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

32735

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU
KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CHẤY - TỖ

TRÁ Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên
Bà Vũ Thị Phương Nga	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Phong	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018)
Ông Hoàng Trung Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2018)
Ông Bùi Hữu Cơ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Chấn	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.




CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,





Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019



Số: 527 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến báo cáo tài chính.

Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.509.344.763	71.594.116.340
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.641.497.865	14.291.499.140
1. Tiền	111		9.543.365.691	9.291.499.140
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.098.132.174	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	580.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	580.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.405.426.114	52.887.894.811
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	27.359.579.542	51.387.202.692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.208.473.455	208.672.630
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.301.668.187	2.161.705.571
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.211.926.620)	(1.617.317.632)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		747.631.550	747.631.550
IV. Hàng tồn kho	140	8	391.607.395	540.382.476
1. Hàng tồn kho	141		832.028.892	1.348.061.642
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(440.421.497)	(807.679.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.070.813.389	3.294.339.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.281.710.906	2.141.842.600
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.768.361.717	1.131.756.547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	20.740.766	20.740.766
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		139.193.220.656	115.510.031.991
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.561.387.500	1.453.387.500
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	1.561.387.500	1.453.387.500
II. Tài sản cố định	220		137.307.208.572	113.734.019.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	137.307.208.572	113.734.019.454
- Nguyên giá	222		203.706.940.080	159.401.868.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.399.731.508)	(45.667.848.942)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.000.000)	(51.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		202.325.000	202.325.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202.325.000	202.325.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		122.299.584	120.300.037
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	122.299.584	120.300.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		189.702.565.419	187.104.148.331

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.816.472.092	80.546.119.166
I. Nợ ngắn hạn	310		35.524.476.918	47.885.348.463
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	10.022.524.263	29.503.510.548
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	52.372.836
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	614.156.076	3.004.591.417
4. Phải trả người lao động	314		2.363.883.438	2.171.072.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.858.691.053	2.330.089.093
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		507.500.000	836.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.537.746.559	1.843.424.178
8. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	13	15.406.275.529	6.313.050.360
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	1.135.000.000	1.830.737.894
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		78.700.000	-
II. Nợ dài hạn	330		43.291.995.174	32.660.770.703
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	2.943.583.653	2.352.083.653
2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	16	40.348.411.521	30.308.687.050
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.886.093.327	106.558.029.165
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	110.886.093.327	106.558.029.165
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.886.093.327	6.558.029.165
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.000.029.165	1.079.142.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.886.064.162	5.478.886.518
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		189.702.565.419	187.104.148.331



TRÁ Đ

Lê Thị Kiều Trâm

Lê Thị Kiều Trâm
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền

Nguyễn Thị Huyền
Phụ trách kế toán



Nguyễn Quang Huy

Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	459.622.398.062	518.802.857.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	459.622.398.062	518.802.857.455
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	441.089.325.731	494.311.589.549
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.533.072.331	24.491.267.906
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		488.726.296	145.589.475
7. Chi phí tài chính	22		2.702.894.445	4.878.223.166
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.702.894.445	4.878.223.166
8. Chi phí bán hàng	25	21	-	608.512.344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	10.527.745.207	11.453.795.759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		5.791.158.975	7.696.326.112
11. Thu nhập khác	31	22	2.376.090.056	1.171.774.073
12. Chi phí khác	32	23	1.617.668.386	1.476.268.525
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		758.421.670	(304.494.452)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.549.580.645	7.391.831.660
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	1.663.516.483	1.912.945.142
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		4.886.064.162	5.478.886.518
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25		492

327857
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG
Hà Nội - TP

1001
CÓI
CH#
EL
VIỆT
ĐA


Lê Thị Kiều Trâm
Người lập biểu


Nguyễn Thị Huyền
Phụ trách kế toán


Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.
6

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.549.580.645	7.391.831.660
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.093.609.061	27.685.356.836
Các khoản dự phòng	03	(1.468.386.575)	265.007.131
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.020.544.478)	(945.658.219)
Chi phí lãi vay	06	2.702.894.445	4.878.223.166
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.857.153.098	39.274.760.574
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.122.711.754	36.552.664.232
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	516.032.750	1.754.139.173
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(20.319.422.521)	(41.423.364.594)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(141.867.853)	931.364.885
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.702.894.445)	(4.878.223.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.377.959.448)	(1.545.601.119)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	951.540.000	2.011.600.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(642.533.334)	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.262.760.001	31.277.339.985
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(46.666.798.179)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.531.818.182	14.116.738.739
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(580.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	580.000.000	5.000.000.000
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	509.269.081	113.229.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.045.710.916)	18.649.968.020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	32.421.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.288.050.360)	(43.589.681.190)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.132.949.640	(43.589.681.190)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.650.001.275)	6.337.626.815
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.291.499.140	7.953.872.325
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	12.641.497.865	14.291.499.140



12/11/2019
 VG
 EM
 OI
 N
 T

Lê Thị Kiều Trâm
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền
 Phụ trách kế toán

CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 VẬN TÀI DẦU KHÍ
 ĐÔNG DƯƠNG
 Nguyễn Văn Quang Huy
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 282 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 192 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

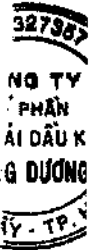
2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản

327357

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TÀI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG
HÀ NỘI - TP.

đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	442.036.194	120.279.999
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.101.329.497	9.171.219.141
Các khoản tương đương tiền	3.098.132.174	5.000.000.000
	12.641.497.865	14.291.499.140

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.185.268.327	32.599.964.288
Công ty TNHH Castrol BP Petco	1.720.716.800	-
Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning (Việt Nam)	154.842.600	-
Công ty Cổ phần thương mại Dầu khí An Dương	-	16.595.640.600
Công ty TNHH Seilan gas	-	9.222.762.613
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Duy Vũ	-	712.600.000
Công ty Cổ phần Việt Xô Gas	-	882.711.614
Đối tượng khác	9.309.708.927	5.186.249.461
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 27)	16.174.311.215	18.787.238.404
	27.359.579.542	51.387.202.692

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn:	2.301.668.187	2.161.705.571
Tạm ứng	1.180.743.870	987.331.093
- Trong đó: Tạm ứng khối lái xe thành phố Hồ Chí Minh	1.114.195.755	609.856.997
Khác	1.120.924.317	1.174.374.478
b. Dài hạn:	1.561.387.500	1.453.387.500
Ký cược, ký quỹ	1.561.387.500	1.453.387.500
	3.863.055.687	3.615.093.071

232735
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 VẬN TẢI DẦU
 KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
 GIẤY - TP

56
 3
 NI
 IT
 N
 T

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng đã trích	Giá gốc	Dự phòng đã trích
	VND	VND	VND	VND
Công nợ phát sinh trên 3 năm	1.252.734.822	1.211.926.620	1.617.317.362	1.617.317.632
- Phải thu khách hàng	351.848.768	337.170.716	572.480.598	572.480.598
- Phải thu ngắn hạn khác	797.551.482	771.421.332	935.816.165	935.816.435
- Trả trước cho nhà cung cấp	103.334.572	103.334.572	109.020.599	109.020.599

Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	832.028.892	440.421.497	1.284.473.586	807.679.166
Hàng hoá	-	-	63.588.056	-
Cộng	832.028.892	440.421.497	1.348.061.642	807.679.166

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.281.710.906	2.141.842.600
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.281.710.906	2.141.842.600
b) Dài hạn	122.299.584	120.300.037
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	122.299.584	120.300.037
	2.404.010.490	2.262.142.637



10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	3.162.296.301	156.168.330.731	71.241.364	159.401.868.396
Mua sắm mới	-	46.666.798.179	-	46.666.798.179
Thanh lý trong năm	-	(2.361.726.495)	-	(2.361.726.495)
Phản loại lại	665.692.640	(665.692.640)	-	-
Số dư cuối năm	3.827.988.941	199.807.709.775	71.241.364	203.706.948.080
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.974.833.648	42.621.773.930	71.241.364	45.667.848.942
Trích khấu hao trong năm	187.462.653	22.906.146.408	-	23.093.609.061
Thanh lý trong năm	-	(2.361.726.495)	-	(2.361.726.495)
Phản loại lại	665.692.640	(665.692.640)	-	-
Số dư cuối năm	3.827.988.941	62.500.501.203	71.241.364	66.399.731.508
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	187.462.653	113.546.556.801	-	113.734.019.454
Tại ngày cuối năm	-	137.307.208.572	-	137.307.208.572

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 105.800.511.613 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 62.683.186.800 VND) để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 16).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.869.460.286 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.391.980.941 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	9.178.363.753	9.178.363.753	21.481.508.086	21.481.508.086
Công ty TNHH MTV TM&DV Huy Hoàng Hà	2.959.557.930	2.959.557.930	530.659.000	530.659.000
Công ty TNHH Tú An	-	-	16.595.640.600	16.595.640.600
Các đối tượng khác	6.218.805.823	6.218.805.823	4.355.208.486	4.355.208.486
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 27)	844.160.510	844.160.510	8.022.002.462	8.022.002.462
	10.022.524.263	10.022.524.263	29.503.510.548	29.503.510.548

7357
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TÀI
DẦU KHÍ
ĐÔNG
DƯƠNG
TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm VND	Số phải nộp/ thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	20.740.766	-	-	20.740.766
Thuế GTGT đầu ra	20.740.766	-	-	20.740.766
Cộng	20.740.766	-	-	20.740.766
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.193.464.074	7.436.247.440	9.081.244.999	548.466.515
- Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	2.193.464.074	7.436.247.440	9.081.244.999	548.466.515
Thuế thu nhập doanh nghiệp	701.893.595	1.663.516.483	2.377.959.448	(12.549.370)
Các loại thuế khác	109.233.748	229.660.811	260.655.628	78.238.931
Thuế thu nhập cá nhân	109.233.748	224.660.811	255.655.628	78.238.931
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	3.004.591.417	9.329.424.734	11.719.860.075	614.156.076



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 16)	6.313.050.360	6.313.050.360	22.381.275.529	13.288.050.360	15.406.275.529	15.406.275.529
CỘNG	6.313.050.360	6.313.050.360	22.381.275.529	13.288.050.360	15.406.275.529	15.406.275.529

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm chi phí trích trước sửa chữa lớn cho dự án CNG ở Thái Bình và xe cho thuê dịch vụ.

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu phản ánh khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe và khách hàng thuê xe.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	36.621.737.410	36.621.737.410	32.421.000.000	13.288.050.360	55.754.687.050	55.754.687.050
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
- HĐ số 1502/LAV/201600787 ký ngày 14/12/2016 (I)	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội	22.621.737.410	22.621.737.410	32.421.000.000	13.288.050.360	41.754.687.050	41.754.687.050
- HĐ số 28010.16.820.857575 ký ngày 30/06/2016 (II)	22.621.737.410	22.621.737.410	-	13.288.050.360	9.333.687.050	9.333.687.050
- HĐ số 41527.18.820.857575 ký ngày 22/11/2018 (III)	-	-	31.421.000.000	-	31.421.000.000	31.421.000.000
- HĐ số 44702.18.820.857575 ký ngày 10/12/2018 (IV)	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	36.621.737.410	36.621.737.410	32.421.000.000	13.288.050.360	55.754.687.050	55.754.687.050

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng 6.313.050.360

Số phải trả sau 12 tháng 30.308.687.050

15.406.275.529

40.348.411.521

(I) Các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 12 năm 2016 để thanh toán tiền mua ô tô các loại. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên (không có ân hạn). Các khoản vay sẽ được trả đều 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Khoản vay-chịu lãi suất 8,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu-tiền và lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả sau của Agribank Hoàn Kiếm cộng 2,5% đến 3%/năm, trả nợ lãi hàng tháng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm 20 xe ô tô các loại có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 16.324.428.464 VND.

(II) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho mục đích thanh toán thứ tín dụng cho hợp đồng mua bồn từ Công ty Xperion Energy & Environment GmbH. Hợp đồng vay có hạn mức là 1.428.000 EUR, thời hạn giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Thời gian cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu



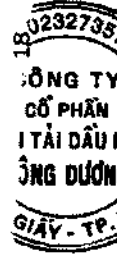
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI ĐẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

tiền là 7,9%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 1,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 06 bồn Composite CNG có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 36.496.041.641 VND.

(iii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 22 tháng 11 năm 2018 cho mục đích thanh toán một phần tiền mua ô tô 64 xe ô tô đã qua sử dụng theo hợp đồng kinh tế số 59/2018/HĐMB/PCT-PTT ký ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tài Đầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long. Hợp đồng vay có hạn mức là 31.421.000.000 VND, thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian cho vay là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo tính từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian rút vốn vay 03 tháng kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2018, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 8,0%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung hạn linh hoạt VND kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 2,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 64 xe ô tô Cửu Long có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 43.986.653.451 VND.

(iv) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 10 tháng 12 năm 2018 cho mục đích thanh toán một phần tiền mua 02 xe ô tô Ford Transit theo hợp đồng kinh tế số 13981118/HDDKT/2018/VTDKDD-THANHXUAN ngày 12 tháng 11 năm 2018 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tài Đầu khí Đông Dương và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Ô tô Thanh Xuân. Hợp đồng vay có hạn mức là 1.014.000.000 VND, số tiền giải ngân trên kế ước nhận nợ là 1.000.000.000 VND. Thời gian cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn 2 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 8%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung hạn linh hoạt VND kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 2,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 02 xe Ford Transit có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.570.463.636 VND.



18/12/2018

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	15.406.275.529	6.313.050.360
Trong năm thứ hai	20.540.346.908	9.916.398.360
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	19.808.064.613	20.392.288.690
	55.754.687.050	36.621.737.410
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	15.406.275.529	6.313.050.360
<i>(được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>		
Số phải trả sau 12 tháng	40.348.411.521	30.308.687.050

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp</u> <u>của chủ sở hữu</u> VND	<u>Lợi nhuận</u> <u>sau thuế chưa phân phối</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	1.079.142.647	101.079.142.647
Lợi nhuận trong năm	-	5.478.886.518	5.478.886.518
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	6.558.029.165	106.558.029.165
Lợi nhuận trong năm	-	4.886.064.162	4.886.064.162
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(558.000.000)	(558.000.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	10.886.093.327	110.886.093.327

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		



12
V
C
H
I
T
I

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu
Tổng Công ty Cổ phần Vận tài Dầu khí	38.670.000.000	38,67	48.670.000.000	4.867.000	48.670.000.000	4.867.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	10.002.000.000	10,00	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	-	-
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	-	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	-	-	10.000.000.000	1.000.000	-	-
Bà Trần Thị Thu Hà	-	-	10.254.000.000	1.025.400	-	-
Các cổ đông khác	11.328.000.000	11,33	11.076.000.000	1.107.600	31.330.000.000	3.133.000
	100.000.000.000	100	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	459.622.398.062	518.802.857.455
Doanh thu bán hàng	297.694.851.049	332.008.209.898
Doanh thu cung cấp dịch vụ	161.927.547.013	186.794.647.557
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 27)</i>	165.884.387.540	111.642.681.304
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	459.622.398.062	518.802.857.455

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa để bán	297.640.752.879	331.791.751.136
Giá vốn của dịch vụ để cung cấp	143.448.572.852	162.519.838.413
441.089.325.731	494.311.589.549	

128273

ÔNG T
CỔ PHẦN
TÀI DẦU
ĐÔNG DƯƠNG

LIÊN - TP

500 - G.I.

TY
HỮU HẠN

TTE

VAM

TP. HÀ NỘI

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.399.321.158	9.927.375.259
Chi phí nhân công	35.504.183.025	32.822.700.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.906.146.408	26.277.049.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.787.528.159	78.293.240.988
Chi phí khác bằng tiền	17.746.396.978	27.260.746.455
	154.343.575.728	174.581.112.173

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	10.527.745.207	11.453.795.759
Chi phí nhân công	4.440.987.901	5.434.597.054
Chi phí vật liệu quản lý	261.117.185	532.634.972
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.040.500	58.603.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.701.122	158.776.566
Chi phí thuế, phí và lệ phí	39.583.873	94.766.620
Chi phí dự phòng	1.433.969.895	542.017.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.483.603.355	3.524.742.721
Chi phí khác bằng tiền	677.741.376	1.107.656.992
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	608.512.344
Chi phí phát triển thị trường	-	608.512.344

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.531.818.182	800.068.744
Thu nhập khác	844.271.874	371.705.329
	2.376.090.056	1.171.774.073

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	-	1.347.057.764
Chi phí khác	1.617.668.386	129.210.761
	1.617.668.386	1.476.268.525

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.549.580.645	7.391.831.660
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	1.768.001.770	2.172.894.050
<i>Cộng: Chi phí không hợp lệ</i>	1.768.001.770	2.172.894.050
Thu nhập chịu thuế	8.317.582.415	9.564.725.710
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.663.516.483	1.912.945.142
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.663.516.483	1.912.945.142

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.886.064.162	5.478.886.518
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	558.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.886.064.162	4.920.886.518
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	489	492

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính và trình bày lại trên cơ sở lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đi Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích cho năm 2017 (theo Nghị quyết liên tịch số 06-NQLT/DBBP-CD-VTDKĐD ngày 25 tháng 5 năm 2018). Số lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được xác định lại là 492 VND/cổ phiếu (số trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là 548 VND/cổ phiếu). Công ty chưa ước tính được Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích cho năm 2018, do vậy, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa bao gồm ảnh hưởng của việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

232736

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU
KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

TP. HCM

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	38.806.523.194	18.530.150.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	12.978.639.782	10.252.500.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.354.864.753	7.174.980.000
	21.333.504.535	17.427.480.000

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.



27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Tổng Công ty
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
3	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Cùng Tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
6	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Cùng Tập đoàn
11	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
12	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
13	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	Cùng Tập đoàn
14	Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
15	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
18	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Cùng Tập đoàn
19	Công ty Cổ phần Vận tải khí và hóa chất Việt Nam	Cùng Tập đoàn
20	Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	Cùng Tập đoàn
21	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn

232736

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG

4Y - TP

125

NG
HIỆM
LỢI
T A

A

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.884.387.540	111.642.681.304
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	64.515.157.948	15.035.259.259
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	29.411.996.459	35.440.759.533
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	17.263.421.154	-
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	15.388.767.708	5.444.619.520
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	11.756.489.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.283.817.038	2.412.550.834
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	4.008.210.530	2.772.433.010
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	3.139.357.500	2.762.722.000
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	2.621.920.742	2.630.886.841
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.408.394.427	2.498.933.273
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.165.940.000	1.238.645.961
Công Ty Cổ Phần Vận Tải khí và hóa chất Việt nam	2.141.478.235	866.238.412
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	1.383.883.599	38.743.465.261
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	395.553.200	1.796.167.400
Mua hàng hóa và dịch vụ	82.340.508.394	121.545.640.004
Công Ty Cổ Phần Vận Tải khí và hóa chất Việt nam	50.071.086.045	50.330.071.653
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	16.656.430.609	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	8.363.671.881	7.783.350.390
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	4.240.200.879	24.131.688.670
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	1.351.595.643	38.368.265.673
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	951.309.364	932.263.618
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	632.273.656	-
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	73.940.317	-

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.168.947.945	1.684.505.834



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu	16.174.311.215	18.787.238.404
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	11.152.316.903	8.583.862.165
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	2.527.642.509	2.248.414.158
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	1.702.079.605	2.825.908.206
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	318.100.698	290.386.198
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	230.120.000	242.770.000
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	224.592.500	220.000.000
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	19.459.000	504.260.185
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	-	3.871.637.492
Phải trả	844.160.510	8.022.002.462
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	430.148.010	720.354.070
Công ty Cổ phần Vận tải khí và hóa chất Việt Nam	414.012.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	-	3.794.200.846
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	-	3.507.447.546



Lê Thị Kiều Trâm
Người lập biểu



Nguyễn Thị Huyền
Phụ trách kế toán




Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 05:

(Đính kèm Biên bản họp Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKDD-DHĐCD ngày 11/4/2019)

BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2019
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.



BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2019
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.

1. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2018:

- Đối với Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên kiêm nhiệm:

- + Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/tháng
- + Kiểm soát viên : 1.000.000 đồng/người/tháng

Phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHCĐ năm 2018 phê duyệt.

Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với 04 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS kiêm nhiệm trong năm 2018 là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Tiền lương, tiền thưởng của 01 Thành viên HĐQT chuyên trách đảm nhận chức vụ từ 20/4/2018 là: 257.775.336 đồng (thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương).

2. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2019:

- Thù lao kiêm nhiệm:

- + Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/tháng
- + Kiểm soát viên : 1.000.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng BKS, KSV kiêm nhiệm năm 2019 dự kiến là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Tiền lương, tiền thưởng của Thành viên HĐQT chuyên trách (01 người): Giao cho HĐQT thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



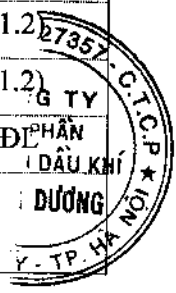
CÔNG TY PHỤ LỤC 06:
(Đính kèm Biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 11/4/2019)

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2018



PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2018

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 theo BCTC đã được kiểm toán	10.886.093.327	
1.1	Lợi nhuận năm 2017 chuyển sang	6.000.029.165	
1.2	Lợi nhuận thực hiện năm 2018	4.886.064.162	
2	Lợi nhuận đem phân phối	7.054.425.665	
2.1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	100.000.000	
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	1.465.819.249	30%/(1.2)
2.3	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	488.606.416	10%/(1.2)
2.4	Chia cổ tức bằng tiền mặt	5.000.000.000	5%/VĐE ^{PHẦN} DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 để lại chuyển sang năm sau (năm 2019)	3.831.667.662	



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

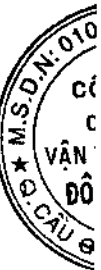
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 07:

(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKDD-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2019)

Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương năm 2019



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 4

CHƯƠNG I..... 4

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ..... 4

 Điều 1. Giải thích thuật ngữ:..... 4

CHƯƠNG II: 5

TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. 5

 Điều 2. Tên, Người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty. 5

CHƯƠNG III..... 5

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... 5

 Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty..... 5

 Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động..... 7

CHƯƠNG IV 7

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 7

 Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần 7

 Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 8

 Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác 8

 Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần..... 8

CHƯƠNG V..... 9

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY..... 9

 Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty 9

CHƯƠNG VI..... 9

CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG..... 9

 Điều 10. Quyền của cổ đồng..... 9

 Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đồng..... 10

 Điều 12. Đại hội đồng cổ đồng 10

 Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đồng 12

 Điều 14. Đại diện theo uỷ quyền..... 13

 Điều 15. Thay đổi các quyền 14

 Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đồng..... 15

 Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng..... 16

 Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng..... 17

 Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đồng..... 19

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 22. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII.....	23
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 23. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:	23
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	24
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	25
Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	28
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	28
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	29
Điều 29. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị	32
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	32
CHƯƠNG VIII.....	33
GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	33
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 32. Người điều hành Công ty	33
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	33
CHƯƠNG IX.....	34
BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	34
Điều 35. Kiểm soát viên	35
Điều 36. Ban Kiểm soát.....	36
CHƯƠNG X.....	37
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	37
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng.....	37
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
CHƯƠNG XI.....	40
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	40
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	40
CHƯƠNG XII.....	40
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn.....	40

CHƯƠNG XIII	40
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	40
CHƯƠNG XIV	41
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH	41
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	41
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 44. Năm tài chính.....	41
Điều 45. Chế độ Kế toán	42
CHƯƠNG XV	42
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM	42
CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	42
Điều 47. Báo cáo thường niên	43
CHƯƠNG XVI	43
KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 48. Kiểm toán	43
CHƯƠNG XVII	43
CON DẤU	43
Điều 49. Con dấu.....	43
CHƯƠNG XVIII	43
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	43
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	43
Điều 51. Thanh lý.....	44
CHƯƠNG XIX	44
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
CHƯƠNG XX	45
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	45
CHƯƠNG XXI	45
NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tổ chức chính thức vào ngày 11 tháng 4 năm 2019.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ:

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - c. “Luật chứng khoán” là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu.
 - e. “Người điều hành Công ty” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán Trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ này.
 - f. “Người quản lý khác” là người được Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty
 - g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
 - h. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - i. Cổ đông của Công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - j. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.
 - k. “Việt Nam” là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Điều lệ này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II:

TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, Người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: PVTRANS-PTT

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84-24) 35563031/32

- Fax: (84-24) 35563033

- E-mail: petrotrans@fpt.vn

- Website: <http://pvtrans-ptt.vn>

4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ trường hợp giải thể Công ty theo Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau: vận chuyển hành khách theo hợp đồng; vận chuyển hành khách theo tuyến cố định; vận tải hàng hoá xăng, dầu, gas.

- Cho thuê xe tự lái.

- Buôn bán xăng, dầu, khí hoá lỏng.

- Dịch vụ bến đỗ xe, trạm dừng xe.
- Lữ hành nội địa và quốc tế.
- Sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
- Kinh doanh ngành gas: chế tạo, sửa chữa bình gas; chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt.
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng xe taxi.
- Kinh doanh bất động sản: đầu tư tạo lập, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản.
- Dịch vụ quảng cáo, quản lý, đấu giá và tư vấn về bất động sản (không bao gồm hoạt động về tư vấn giá đất).
- Mua bán phân bón hoá học, phân vi sinh
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ Quảng cáo thương mại.
- Kinh doanh, buôn bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: Các loại hạt nhựa Polypropylene (PP), Polyethylene (PE); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm, đồ lưu niệm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí”.
- Mua bán khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác.
- Mua bán than.
- Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển khí CNG.
- Thuê và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển than.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LPG, LNG và các loại khí hóa lỏng khác.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển than bằng đường bộ và đường thủy.
- Cung ứng lao động tạm thời (Chi tiết: Cho thuê lại lao động) và Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Thu lợi nhuận tối đa, tăng giá trị doanh nghiệp;
- Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông;
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động;
- Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước;

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN****Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần (*Mười triệu cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 10.000.000 cổ phần phổ thông (*Mười triệu cổ phần*). Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp
3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty (nếu có).

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc/và Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - d. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quản trị của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải

họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Công ty có thể mời đại diện Công ty Kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo,

Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp

- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với loại cổ phần;

- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- k. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- l. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- n. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật;
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho Luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
 4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những

người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các loại cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp;
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa

chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ

ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại cuộc họp theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm

soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;

Thông báo về việc tổ chức họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của cuộc họp.
12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - d. Dự án đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số

thành viên quy định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định;

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
- 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- 6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến để thông qua nghị quyết ;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

Điều 22. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**CHƯƠNG VII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 23. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị:**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá năm (5) công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của Công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người điều hành Công ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
- f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- m. Quyết định chào giá bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- n. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- p. Các quyền và nghĩa vụ khác nếu có;

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Công ty;
 - c. Thành lập Công ty con của Công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.
 - d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1 Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - g. Việc mua lại hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các tài sản phi tiền tệ khác;
 - i. Việc mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế. Trường hợp sau mười (10) ngày làm việc, Hội đồng Quản trị vẫn chưa tổ chức cuộc họp để bầu Chủ tịch, Ban Kiểm soát sẽ chủ trì triệu tập tổ chức cuộc họp của Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty;

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban Kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2, Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai (02) trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất (01). Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của một thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị

Điều 29. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của

- pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để Công ty đạt được các mục tiêu đã đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tiền thù lao, tiền lương, lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị, thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;
 - f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của Công ty.
 - h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của Công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Điều lệ Công ty;
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên

này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Người điều hành Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ các trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:
 - a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 - b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;
 - c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

- d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 10 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (1) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai (12) cùng năm.

Điều 45. Chế độ Kế toán

1. Chế độ Kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này, Công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán; báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.
3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu (6) tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c. Các trường hợp theo quy định của pháp luật.

- Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

- Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - Các chi phí thanh lý;
 - Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của Người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - Nợ thuế;
 - Các khoản nợ khác của Công ty;
 - Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) cho đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác và Điều lệ Công ty, các quy định giữa:
 - Cổ đông với Công ty;
 - Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay Người điều hành Công ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày

làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án Kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương nhất trí thông qua ngày 11 tháng 4 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.



**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

01 Phạm Anh Tuấn

02 Nguyễn Mạnh Hùng

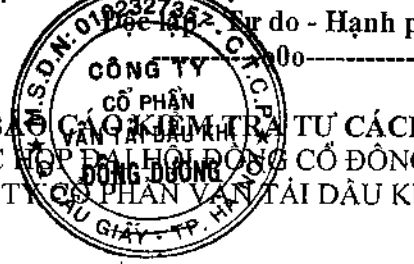
03 Vũ Thị Phương Nga

04 Hoàng Trung Hưng

05 Bùi Hữu Cơ

06 Nguyễn Quang Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại phòng họp tầng 5, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình, Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính - Trưởng ban.
2. Bà Nguyễn Thị Tình, Phó Phòng Kinh doanh - Thành viên.
3. Bà Ngọc Thị Phượng, Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính - Thành viên.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với kết quả cụ thể như sau:

1. Số cổ đông tham dự đại hội : 13 cổ đông.
Trong đó: + Tham dự trực tiếp : 05 cổ đông.
+ Tham dự thông qua uỷ quyền : 08 cổ đông.

2. Đại diện cho quyền sở hữu 8.929.320 cổ phần bằng 89.2932 % tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết (*chi tiết Danh sách kèm theo*).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

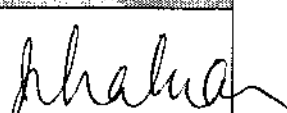

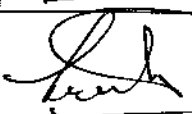

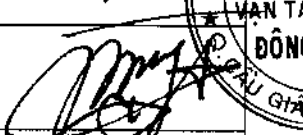

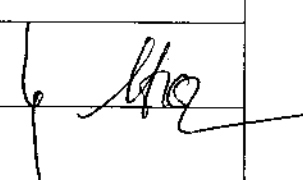
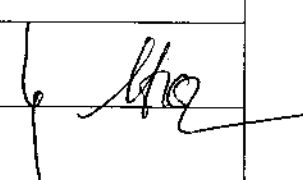
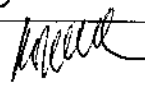
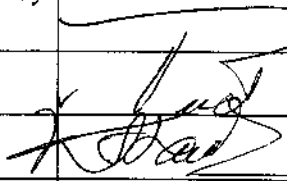
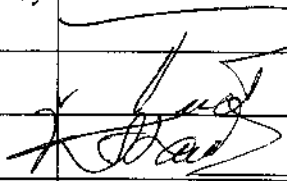
Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương được lập vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 4 năm 2019 và được báo cáo công khai trước Đại hội.

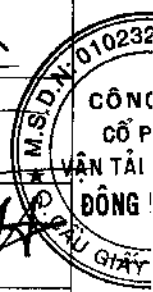
TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thanh Bình

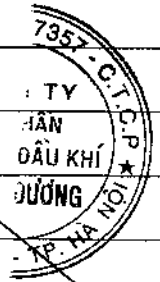
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	SỐ CP NĂM GIỮ	% VỐN ĐL	NGƯỜI ĐẠI DIỆN /ỦY QUYỀN	KÝ XÁC NHẬN
1	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	4103006624	1,867,000	18,67	Phạm Anh Tuấn	
			1,000,000	10,00	Nguyễn Quang Huy	
			1,000,000	10,00	Bùi Hữu Cơ	
		0302743192	1,000,000	10,00	Vũ Thị Phương Nga	
2	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4104005189	1,000,000	10,00	Hoàng Trung Hưng	
3	Ngân hàng TM TNHH Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu - GPBank	2700113651	1,000,000	10,00	Nguyễn Mạnh Hùng	
4	Nguyễn Hồng Hiệp	001073000053	1,000,000	10,00	Lê Hải Yến	
5	Trần Thị Thu Hà	001173004794	1,025,400	10,254	Lê Hải Yến	
6	06 cổ đông cá nhân ủy quyền cho ông Nguyễn Quang Huy - Giám đốc.		32,790	0,3279	Nguyễn Quang Huy	
7	Lê Đức Thắng	011303635	2,130	0,021		
8	Đỗ Nhật Thành	011434701	2,000	0,020		



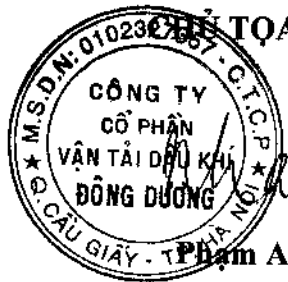
TT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	SỐ CP NĂM GIỮ	% VỐN ĐL	NGƯỜI ĐẠI DIỆN /ỦY QUYỀN	KÝ XÁC NHẬN
Tổng cộng			8,929,520	89,295.2		



THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Đỗ Lan Phương

CHỖ TỌA ĐẠI HỘI



Phạm Anh Tuấn

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Tổ Kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính – Tổ trưởng.
2. Ông Nguyễn Huy Bình – Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư – Tổ viên
3. Bà Nguyễn Thị Tình – Phó phòng Kinh doanh – Tổ viên
4. Bà Nguyễn Thanh Hiền – Nhân viên Phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư – Tổ viên
5. Bà Nguyễn Thị Vân Hạnh – Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch – Tổ viên

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Tổ Kiểm phiếu xin thông báo kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

I. Các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2019 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương:

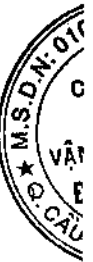
- Tổng số phiếu phát ra: 11 phiếu đại diện cho 8.929.320 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Tổng số phiếu thu về: 10 phiếu đại diện cho 8.927.190 cổ phần, bằng 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10 phiếu đại diện cho 8.927.190 cổ phần, bằng 99,9761 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu đại diện cho 0 cổ phần, bằng 0,0000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Kết quả các nội dung biểu quyết cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng Quản trị:

- Biểu quyết đồng ý là 6.927.190 cổ phần, chiếm 77,5780% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,0000% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 2.000.000 cổ phần, chiếm 22,4220 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.



2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Giám đốc:

- Biểu quyết đồng ý là 6.927.190 cổ phần, chiếm 77,5780 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,0000% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 2.000.000 cổ phần, chiếm 22,4220% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát:

- Biểu quyết đồng ý là 8.927.190 phần, chiếm 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

4. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Biểu quyết đồng ý là 8.927.190 phần, chiếm 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Biểu quyết đồng ý là 8.927.190 phần, chiếm 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

22
ÔN
CỔ
T
ÔN
/ Gh

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018:

- Biểu quyết đồng ý là 8.927.190 phần, chiếm 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

7. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD và Kế hoạch đầu tư phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty.

- Biểu quyết đồng ý là 6.927.190 cổ phần, chiếm 77,5780 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,0000% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 2.000.000 cổ phần, chiếm 22,4220% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

8. Thông qua Báo cáo thực hiện thù lao năm 2018 và Kế hoạch thù lao năm 2019 của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:

- Biểu quyết đồng ý là 8.927.190 phần, chiếm 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

9. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là:

- Biểu quyết đồng ý là 8.927.190 phần, chiếm 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

10. Thông qua bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ và giao cho Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty:

- Biểu quyết đồng ý là 8.927.190 phần, chiếm 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

11. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Đỗ Trung Thành:

- Biểu quyết đồng ý là 8.927.190 phần, chiếm 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

12. Thông qua việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với ông Nguyễn Thế Dân:

- Biểu quyết đồng ý là 8.927.190 phần, chiếm 99,9761% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.
- Không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0,000 % số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

II. Bầu thành viên HĐQT kiêm nhiệm và Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2019 – 2024:

- Căn cứ Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 ngày 29/3/2019 và Thông báo đề cử ứng cử ngày 03/4/2019 của Hội đồng Quản trị về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2019 – 2024 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
- Căn cứ Tờ trình miễn nhiệm và giới thiệu nhân sự để bầu bổ sung một (01) thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 và Tờ trình miễn nhiệm và giới thiệu nhân sự để bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2019 – 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

32
T
ÀN
AU
Ư
T

- + Danh sách giới thiệu nhân sự bầu bổ sung một (01) thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2019-2024 thay thế ông Đỗ Trung Thành gồm có: một (01) ứng viên là: **Ông Nguyễn Mạnh Hùng**.
- + Danh sách giới thiệu nhân sự bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2019-2024 thay thế ông Nguyễn Thế Dân gồm có: một (01) ứng viên là: **Bà Phan Thị Thu Hà**.
- Tổ Kiểm phiếu đã phổ biến và được Đại hội thông qua Quy chế bầu cử.
- Ban Kiểm phiếu đã tiến hành phát phiếu bầu cử, giám sát quá trình bầu cử, thu phiếu để tiến hành kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:
 1. **Kết quả kiểm phiếu bầu một (01) thành viên HĐQT kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2019-2024:**
 - Tổng số phiếu phát ra: 11 phiếu, đại diện cho 8.929.320 cổ phần với tổng số quyền bầu là 8.929.320.
 - Tổng số phiếu thu về: 10 phiếu, đại diện cho 8.927.190 cổ phần với tổng số quyền bầu là 8.927.190.
 - Trong đó:
 - Số phiếu hợp lệ: 10 phiếu, đại diện cho 8.927.190 cổ phần với tổng số quyền bầu là 8.927.190.
 - Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần với tổng số quyền bầu là 0.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

 - Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Số phiếu bầu đạt được 8.927.190 trên tổng số 8.929.320 quyền bầu (tỷ lệ bầu 99,9761%).

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, thể lệ bầu cử đã được thông qua và Điều lệ chức và hoạt động của Công ty ông Nguyễn Mạnh Hùng đã trúng cử làm thành viên HĐQT kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2019-2024.
 2. **Kiểm phiếu bầu một (01) Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2019-2024:**
 - Tổng số phiếu phát ra: 11 phiếu, đại diện cho 8.929.320 cổ phần với tổng số quyền bầu là 8.929.320.
 - Tổng số phiếu thu về: 10 phiếu, đại diện cho 8.927.190 cổ phần với tổng số quyền bầu là 8.927.190.
 - Trong đó:
 - Số phiếu hợp lệ: 10 phiếu, đại diện cho 8.927.190 cổ phần với tổng số quyền bầu là 8.927.190.
 - Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần với tổng số quyền bầu là 0.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Bà Phan Thị Thu Hà: Số phiếu bầu đạt được 7.927.190 trên tổng số 8.929.320 quyền bầu (tỷ lệ bầu 88,7771%).

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, thể lệ bầu cử đã được thông qua và Điều lệ chức và hoạt động của Công ty bà Phan Thị Thu Hà đã trúng cử làm Kiểm soát viên Công ty.

Biên bản kiểm phiếu gồm 06 trang, được lập xong vào hồi 16 giờ 15 phút ngày 11 tháng 4 năm 2019 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

CHỦ TỊCH ĐOÀN



Phạm Anh Tuấn
Phạm Anh Tuấn

TỔ KIỂM PHIẾU

Tổ trưởng

Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Thanh Bình

Các tổ viên:

Nguyễn Huy Bình

Nguyễn Huy Bình

Nguyễn Thị Tình

Nguyễn Thị Tình

Nguyễn Thị Vân Hạnh

Nguyễn Thị Vân Hạnh

Nguyễn Thanh Hiền

Nguyễn Thanh Hiền

